

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)

LÊ THỊ LAN ANH – VŨ KIM BẢNG – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA – VŨ THỊ THANH HƯƠNG – VŨ THỊ LAN

TRỊNH CẨM LAN – CHU THỊ PHƯƠNG – TRẦN KIM PHƯỢNG – ĐẶNG THỊ HẢO TÂM

TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA

môn

TIẾNG VIỆT

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Bộ sách sử dụng thống nhất toàn quốc

LỚP

1

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

BT	bài tập
GV	giáo viên
HS	học sinh
SGK	sách giáo khoa
SGV	sách giáo viên
VBT	vở bài tập
VB	văn bản
NXBGDVN	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
QLGD	quản lí giáo dục



MỤC LỤC

Trang

Phần một. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	5
1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT	5
1.1. Mục tiêu giáo dục và mạch nội dung	5
1.2. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	5
2. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 1.....	6
2.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa.....	6
2.2. Giới thiệu, phân tích cấu trúc sách và cấu trúc bài học	7
2.3. Phân tích các điểm mới cơ bản	13
2.4. Phân tích một số bài học đặc trưng.....	18
2.5. Khung kế hoạch dạy học	18
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC.....	19
3.1. Những yêu cầu chung về phương pháp dạy học.....	19
3.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học các nội dung cơ bản của bài học.....	20
3.3. Hướng dẫn quy trình dạy học một số dạng bài	21
3.4. Một số lưu ý khi tổ chức các hoạt động dạy học	35
4. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP.....	36
4.1. Định hướng đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh trong môn Tiếng Việt	36
4.2. Gợi ý về đề kiểm tra, đánh giá.....	37

5. GIỚI THIỆU, HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ DẠY HỌC.....	39
5.1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên.....	39
5.2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ.....	41
5.3. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên, học liệu điện tử thiết bị dạy học	42

Phần hai. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY 44

1. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY	44
1.1. Các văn bản hướng dẫn và tài liệu dạy học	44
1.2. Các bước thiết kế kế hoạch bài dạy.....	44
2. BÀI SOẠN MINH HOẠ	44

Phụ lục. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY HỌC ĐẶC THÙ THEO SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT – CTGDPT 2018 57

1 KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT**1.1. Mục tiêu giáo dục và mạch nội dung**

Mục tiêu giáo dục và mạch nội dung của Chương trình (CT) Tiếng Việt (Ngữ văn) 2018 có những khác biệt cơ bản so với mục tiêu giáo dục và mạch nội dung của CT Tiếng Việt (Ngữ văn) 2006. Những khác biệt đó được tóm tắt trong bảng sau:

	Chương trình Ngữ văn 2006	Chương trình Ngữ văn 2018
Mục tiêu	Cung cấp kiến thức về tiếng Việt và văn học; phát triển kỹ năng đọc, viết, nói và nghe cho học sinh (HS).	Phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, trong đó có năng lực sử dụng ngôn ngữ: đọc, viết, nói và nghe.
Mạch nội dung	Các mạch: 1. Kiến thức: Tiếng Việt, Tập làm văn, Văn học; 2. Kỹ năng: đọc, viết, nghe và nói. Ngữ liệu mở.	Các mạch: Đọc, Viết, Nói và nghe; nội dung dạy học cốt lõi. Ngữ liệu mở.

Có thể thấy, mạch nội dung trong mỗi CT nhất quán với mục tiêu mà CT đặt ra. CT Tiếng Việt (Ngữ văn) 2006 tuy có đặt ra mục tiêu phát triển kỹ năng đọc, viết, nói và nghe cho HS, nhưng có thể thấy mục tiêu về kiến thức được chú trọng hơn. Việc đổi mới của CT Tiếng Việt (Ngữ văn) 2018 bắt đầu từ mục tiêu (chú trọng phát triển năng lực) và chính mục tiêu đó chi phối toàn bộ các phần còn lại của CT, trước hết là ở mạch nội dung, sau đó là phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá,... Mô hình sách giáo khoa (SGK) cũng được điều chỉnh để đáp ứng quy định của CT.

1.2. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

1.2.1. Năng lực của người học chỉ có thể hình thành và phát triển thông qua các hoạt động. Vì vậy, để đạt được mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất cho HS theo định hướng của CT mới, GV cần chú trọng việc tổ chức hoạt động học đọc, viết, nói và nghe cho HS. Trong giờ học, HS cần được thực hiện nhiều hoạt động đa dạng, thể hiện vai trò chủ động, tích cực của người học, phát huy khả năng tự học, có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, thảo luận, tương tác tích cực với bạn bè và với thầy cô.

1.2.2. Theo mục tiêu giáo dục được quy định trong CT Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 nói chung và trong CT Tiếng Việt (Ngữ văn) nói riêng, việc đánh giá kết quả học tập trong môn học được đổi mới từ mục tiêu đến nội dung, cách thức, phương pháp đánh giá:

Mục tiêu đánh giá kết quả học tập của HS trong môn Tiếng Việt là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học.

Nội dung đánh giá không tập trung vào kiến thức thuần túy mà đánh giá phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Tiếng Việt thể hiện qua các kỹ năng: đọc, viết, nói và nghe.

– Cách thức đánh giá kết quả giáo dục đa dạng, kết hợp cả đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; kết hợp cả định tính và định lượng, thông qua các bài kiểm tra, bài tập với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dựa trên yêu cầu cần đạt về năng lực đối với HS ở mỗi lớp. Sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá năng lực của HS, khắc phục tình trạng chỉ học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn.

2 GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 1

2.1. Quan điểm biên soạn SGK

2.1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa Tiếng Việt

2.1.1.1. Dạy học ngôn ngữ theo cách như ngôn ngữ được dùng trong thực tế

Sách giáo khoa (SGK) Tiếng Việt thiết kế những cấu phần của bài học theo các hoạt động giao tiếp, tương ứng với các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Thông qua các hoạt động giao tiếp năng động, đa dạng và gắn gũi với đời sống thực, học sinh (HS) được phát triển năng lực ngôn ngữ một cách tự nhiên trên cơ sở phát huy tối đa năng lực ngôn ngữ vốn có của một người bản ngữ.

Các kiến thức tiếng Việt, văn học không được dạy học riêng biệt mà được tích hợp vào các hoạt động dạy học đọc, viết, nói và nghe. Các hoạt động đọc, viết, nói và nghe cũng được kết nối chặt chẽ với nhau, hỗ trợ lẫn nhau, giúp HS phát triển hiệu quả năng lực ngôn ngữ.

2.1.1.2. Khởi gợi được hứng thú của người học qua ngữ liệu và cách khai thác ngữ liệu phù hợp

SGK nói chung cần hấp dẫn về cả nội dung lẫn hình thức. Nhờ đó, việc học mới trở thành một hành trình khám phá thú vị. Riêng đối với SGK Tiếng Việt, HS cần được tìm thấy thế giới tưởng tượng và cuộc sống thực của chính mình qua những truyện kể, bài thơ, văn bản thông tin,... trong các bài học. Sách cần sử dụng những ngữ liệu phù hợp với đặc điểm tâm lí, thực tiễn giao tiếp và nhu cầu học hỏi, khám phá của HS và định hướng giáo dục của nhà trường. Các hoạt động thực hành đọc, viết, nói và nghe xung quanh ngữ liệu cần được thiết kế hợp lí, phù hợp với khả năng HS và thời gian dạy học cho phép, kích thích được sự ham học, trí tò mò và tư duy sáng tạo của các em.

2.1.2. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa Tiếng Việt 1

Lớp 1 đánh dấu một giai đoạn chuyển tiếp quan trọng trong quá trình phát triển năng lực giao tiếp của HS, chuyển từ giao tiếp bằng ngôn ngữ nói vốn được hình thành và phát triển trong môi trường giao tiếp tự nhiên sang giao tiếp bằng cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong môi trường nhà trường có sự hướng dẫn của giáo viên (GV), theo mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập do chương trình quy định.

Ngoài yêu cầu đối với SGK Tiếng Việt nói chung, SGK Tiếng Việt lớp 1 chú trọng thoả đáng sự phát triển năng lực ngôn ngữ của HS ở giai đoạn chuyển tiếp này để bảo đảm sự phát triển ngôn ngữ ở các em diễn ra một cách tự nhiên với nhiều điều mới mẻ và thú vị, không căng thẳng và áp lực. Muốn vậy, hoạt động đọc, viết, nói và nghe cần phải được đặt vào ngữ cảnh giao tiếp tự nhiên và cần phải khai thác hiệu quả vốn tiếng Việt sẵn có trước khi đến trường của HS với tư cách người bản ngữ.

2.2. Giới thiệu, phân tích cấu trúc sách và cấu trúc bài học

SGK *Tiếng Việt 1* được chia thành 2 tập, tập một dành cho học kì 1 (18 tuần, trung bình mỗi tuần 12 tiết), tập hai dành cho học kì 2 (17 tuần, trung bình mỗi tuần 12 tiết).

Tập một

a. Cấu trúc sách

Ngoài các bài học ở **Tuần mở đầu – Chào em vào lớp 1** (giúp HS làm quen với môi trường và hoạt động học tập ở lớp 1) và **Tuần ôn tập**, 16 tuần còn lại có 80 bài, mỗi tuần có 5 bài, gồm cả bài **Ôn tập và kể chuyện** ở cuối tuần. Mỗi bài được dạy học trong 2 tiết, trình bày trong 2 trang sách, một trang chẵn và một trang lẻ. Ngoài ra, mỗi tuần còn có 2 tiết tập viết tăng thêm ngoài thời gian tập viết trong các bài học; trước khi viết, HS cũng được luyện đọc các từ ngữ luyện viết. Trong 2 tiết này, tiết 1 dành luyện viết những từ ngữ có âm chữ hoặc vần được học trong bài 1 và bài 2, tiết 2 dành luyện viết những từ ngữ có âm chữ hoặc vần được học trong bài 3 và bài 4. Ngoài luyện viết và luyện đọc, thời gian còn lại của 2 tiết (nếu có) có thể dành để HS làm các bài tập nối, điền,... được thiết kế trong vở bài tập - tập một.

Mỗi bài gồm một hoặc một số âm chữ (chữ cái và dấu thanh) hoặc vần; số lượng âm chữ, vần trong một bài được tăng dần tương ứng với kĩ năng mà HS đã học được. Các âm chữ và vần được sắp xếp dựa vào một số căn cứ, cụ thể là:

– Khả năng dùng các âm chữ tổ hợp nên các tiếng, từ ngữ, câu gữ, thông dụng để HS học xong những chữ cái và dấu thanh đó có thể đọc và viết được nhiều tiếng, từ ngữ, câu.

– Trình tự các con chữ trong bảng chữ cái, tính chất đồng dạng của chữ và vần, chẳng hạn: những chữ cái được dạy học đầu tiên là a, b, c,...; các vần được chia theo nhóm, gắn nhau về âm và chữ viết như: *an, ăn, ân; on, ôn, ơn; en, ên, in, un; am, ăm, âm;...*

– Độ thông dụng và độ khó của đơn vị ngôn ngữ cần học. Những vần thông dụng nhưng có cấu trúc phức tạp, khó đọc và viết thì được xếp vào cuối tập một. Những vần ít thông dụng, đặc biệt là vừa ít thông dụng vừa khó, thì được đưa vào tập hai.

b. Cấu trúc bài học

Ở tập một, mỗi bài học trong 4 bài học hằng tuần đều được bắt đầu bằng hoạt động **nhận biết** âm chữ hoặc vần chuẩn bị học. Hoạt động này được thiết kế dưới dạng yêu cầu HS quan sát tranh, nhận biết nội dung tranh và đọc theo GV câu thuyết minh tranh. Câu này có chứa các âm chữ hoặc vần được học trong bài và thường thể hiện các sự việc, trạng thái có thể minh họa bằng hình ảnh trực quan. Hoạt động nhận biết này tạo cho HS có hứng thú khám phá bài học. Những âm chữ, vần cần học được đặt trong câu (đánh dấu màu đỏ), gắn với một sự việc, trạng thái cụ thể, tạo ngay cho HS cảm giác bài học gần gũi và thiết thực với đời sống. Trong câu nhận biết có thể có nhiều từ ngữ HS chưa thể tự đọc được, tỉ lệ những từ ngữ này được giảm dần ngay trong học kì 1. Các em chỉ đọc câu thuyết minh lặp lại theo GV, nhưng nhờ quan sát tranh và nhờ vốn ngôn ngữ nói tiếng Việt, các em hiểu được ý nghĩa của câu. Việc từng bước gắn ý nghĩa của một câu với hình thức viết của câu vốn chưa thật quen thuộc, giúp HS sớm có ý niệm về mối quan hệ giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết ở cấp độ đơn vị giao tiếp. Nhờ đó, kĩ năng đọc sẽ được phát triển nhanh hơn. Trong bối cảnh nhiều HS có khả năng đọc phát triển sớm thì câu nhận biết cũng là ngữ liệu hỗ trợ các em luyện đọc.

Sau hoạt động **nhận biết** là hoạt động **đọc âm/vần, tiếng, từ ngữ**; cuối tiết 1 là **viết bảng**. Mở đầu tiết 2, HS **viết vở** (ngoài ra, như đã nêu trên, mỗi tuần có 2 tiết ngoài bài học để HS tiếp tục luyện viết). Sau tập viết vào vở, HS **đọc câu/đoạn ngắn**, cuối cùng là **nói (và nghe)** theo nghi thức lời nói hoặc theo chủ điểm gắn với một nội dung của bài học.

Phần **đọc câu/đoạn ngắn** yêu cầu HS không chỉ có kĩ năng **đọc thành tiếng** mà còn có kĩ năng **đọc hiểu**. Mức độ yêu cầu đọc hiểu tăng dần theo nội dung đọc. Các câu hỏi đọc hiểu (chỉ gợi ý trong sách GV) theo đó tăng lên về số lượng và độ khó.

Từ tuần 1 đến tuần 10, bài 1 và bài 3 của mỗi tuần, phần nói dành để HS thực hành các **nghi thức lời nói** cơ bản được quy định trong chương trình, giúp các em phát triển kĩ năng chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép. Còn các **chủ điểm** nói được lựa chọn thường gắn với nội dung đọc ở ngay trước đó mà không gò bó theo

âm chữ hay vần trong bài học. Nói và nghe như là phần mở rộng, nối dài của đọc. Nhờ đó, đọc, nói và nghe hỗ trợ hiệu quả cho nhau. Đọc chuẩn bị nội dung cho nói và nghe. Nói và nghe giúp HS hiểu rõ hơn nội dung của phần đọc. Đây cũng là hoạt động học tập giúp HS tự tin hơn khi giao tiếp, tạo tiền đề cho kĩ năng trình bày, thuyết trình ở các lớp trên. Một khoảng thời gian ngắn cuối mỗi bài học dành cho nói và nghe tương đối tự do cũng giúp HS giảm được căng thẳng sau gần 2 tiết học. SGK chỉ đưa ra gợi ý. GV có thể sáng tạo những “kịch bản” khác nhau để tổ chức hoạt động nói và nghe cho hiệu quả.



2 Đọc

a

3 Tô và viết

a a

14

4 Đọc



5 Nói

Chào hỏi



15

Trong bài **Ôn tập và kể chuyện** cuối mỗi tuần, phần Ôn tập giúp HS củng cố, phát triển kĩ năng đọc tiếng, từ ngữ, câu hoặc đoạn có chứa âm chữ/vần được học trong tuần và viết chính tả; từ tuần 1 đến tuần 6 (phần học Âm chữ: viết cụm từ); từ tuần 7 đến tuần 16 (phần học Vần: viết câu ngắn); phần Kể chuyện giúp HS phát triển kĩ năng nghe, nói, tưởng tượng, suy luận,... Sách cũng đưa nhiều ngữ liệu là từ ngữ ở phần **Ôn tập** để HS có thêm cơ hội luyện đọc, nhưng không nhất thiết phải đọc hết ở lớp.

BÀI 30 ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN

1 Đọc

ngoan	loát	thoán	hoắt	loài	huê	tuy
luân	luật	chuyển	duyệt			

Mỗi lần về quê, Hà lại được bà kể cho nghe nhiều câu chuyện hay. Nào là truyền thuyết về Lạc Long Quân, truyền thuyết Thánh Gióng, truyền thuyết về hồ Hoàn Kiếm. Nào là sự tích cây quất, sự tích cây xoài,... Giọng kể của bà trầm ấm. Hà bị cuốn vào các câu chuyện suốt từ đầu cho đến cuối.

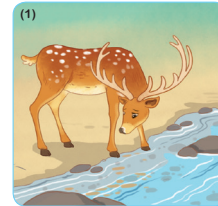
172

2 Viết

Xuân vẽ, đào nỏ thắm, quất trĩu quả.

3 Kể chuyện

Cặp sừng và đôi chân



Hươu cảm thấy như thế nào về cặp sừng và đôi chân của mình không?



Khi tha thẩn trong rừng, hươu gặp phải chuyện gì?



Cặp sừng hay đôi chân giúp hươu thoát nạn?



Thoát nạn, hươu nghĩ gì?

173

Tập hai

a. Cấu trúc sách

Ở tập hai, có 8 bài lớn, mỗi bài được dạy học trong 2 tuần (24 tiết). Trong 24 tiết cho mỗi bài lớn có 18 tiết dành cho đọc, viết, nói và nghe xoay quanh các văn bản; 2 tiết ôn tập ở cuối tuần thứ 2 mỗi bài; 4 tiết (mỗi tuần 2 tiết) dành để HS hoàn thành nốt những nội dung có thể chưa hoàn thành trong thời gian quy định (2 tiết cho thơ, 4 tiết cho VB văn xuôi). GV cũng có thể sử dụng linh hoạt 4 tiết này để: (1) tổ chức cho HS luyện tập, thực hành củng cố các kĩ năng. SGK có gợi ý nội dung dạy học cụ thể cho 4 tiết này; (2) cho HS làm bài tập trong *Vở bài tập* tập hai; (3) cho hoạt động đọc mở rộng (HS tự tìm đọc truyện, thơ, VB thông tin và trao đổi với nhau về những gì đã đọc).

Mỗi bài lớn tương đương với một “chương” (chapter) trong một số SGK nước ngoài hoặc với đơn vị dạy học xoay quanh một chủ điểm như một số SGK Việt Nam trước đây. Các bài lớn được thiết kế theo hệ thống chủ điểm, phát triển từ những chủ điểm gần gũi nhất như tôi (cá nhân người học) và bạn bè, gia đình, nhà trường đến những chủ điểm liên quan đến kĩ năng sống, bài học về đạo đức, thiên nhiên, cảm nhận của con người về thế giới xung quanh và cuối cùng là đất nước và con người Việt Nam. Hệ thống chủ điểm này vừa có tính gợi mở, gây hứng thú đối với HS vừa

nhằm đến mục tiêu bồi dưỡng và phát triển các phẩm chất chủ yếu được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông 2018. Với hệ thống chủ điểm có “độ phủ” rộng, kết hợp với kênh hình được thiết kế công phu, *Tiếng Việt 1* đáp ứng giáo dục HS những vấn đề có tầm quan trọng đối với thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay, được coi là những chủ điểm xuyên chương trình, vượt ra khỏi phạm vi một môn học cụ thể, như chủ quyền quốc gia, nhân quyền (đặc biệt là quyền trẻ em), bảo vệ môi trường, bình đẳng giới,...

MỤC LỤC

1	TÔI VÀ CÁC BẠN	Trang
Bài 1	Tôi là học sinh lớp 1	4
Bài 2	Đôi tai xấu xí	8
Bài 3	Bạn của gió	12
Bài 4	Giải thưởng tình bạn	14
Bài 5	Sinh nhật của voi con	18
	Ôn tập	22
2	MÁI ẤM GIA ĐÌNH	
Bài 1	Nụ hôn trên bàn tay	24
Bài 2	Lắm anh	28
Bài 3	Cả nhà đi chơi núi	30
Bài 4	Quạt cho bà ngủ	34
Bài 5	Bữa cơm gia đình	36
Bài 6	Ngôi nhà	40
	Ôn tập	42
3	MÁI TRƯỜNG MỀM YÊU	
Bài 1	Tôi đi học	44
Bài 2	Đi học	48
Bài 3	Hoa yêu thương	50
Bài 4	Cây bàng và lớp học	54
Bài 5	Bác trồng trường	56
Bài 6	Giờ ra chơi	60
	Ôn tập	62
4	ĐIỀU EM CẦN BIẾT	
Bài 1	Rửa tay trước khi ăn	64
Bài 2	Lời chào	68
Bài 3	Khi mẹ vắng nhà	70
Bài 4	Nếu không may bị lạc	74
Bài 5	Đèn giao thông	78
	Ôn tập	82
5	BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG	
Bài 1	Kiến và chim bồ câu	84
Bài 2	Câu chuyện của rết	88

Bài 3	Câu hỏi của sỏi	90
Bài 4	Chú bé chân cừu	94
Bài 5	Tiếng vọng của núi	98
	Ôn tập	102
6	THIÊN NHIÊN KỈ THÚ	
Bài 1	Loài chim của biển cả	104
Bài 2	Bảy sắc cầu vồng	108
Bài 3	Chùa tế rừng xanh	110
Bài 4	Cuộc thi tài năng rừng xanh	114
Bài 5	Cây liễu dẻo dai	118
	Ôn tập	122
7	THẾ GIỚI TRONG MẮT EM	
Bài 1	Tia nắng đi đâu?	124
Bài 2	Trong giấc mơ buổi sáng	126
Bài 3	Ngày mới bắt đầu	128
Bài 4	Hỏi mẹ	132
Bài 5	Những cánh cò	134
Bài 6	Buổi trưa hè	138
Bài 7	Hoa phượng	140
	Ôn tập	142
8	ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI	
Bài 1	Cậu bé thông minh	144
Bài 2	Lính cứu hỏa	148
Bài 3	Lớn lên bạn làm gì?	152
Bài 4	Rượu bạc thang ở Sa Pa	154
Bài 5	Nhớ ơn	156
Bài 6	Du lịch biển Việt Nam	158
	Ôn tập	162
ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ		
Ôn tập	Bài 1	164
	Bài 2	168
	Bài 3	170
	Đánh giá cuối năm học	172
MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH		175

2

3

Trong mỗi bài lớn (theo chủ điểm) thường có đủ các kiểu loại văn bản cơ bản: truyện, thơ, văn bản thông tin. Tuy nhiên, tùy thuộc vào chủ điểm của bài học mà văn bản văn học (truyện, thơ) hay văn bản thông tin chiếm tỉ lệ nhiều hơn, chẳng hạn bài học có chủ điểm là thiên nhiên thì văn bản thông tin nhiều hơn văn bản văn học, ngược lại, bài học có chủ điểm là cảm nhận về thế giới thì tỉ lệ văn bản văn học cao hơn. Mỗi văn bản truyện, văn bản thông tin được thiết kế dạy học trong 4 tiết, mỗi bài thơ 2 tiết (trừ một văn bản văn xuôi ở bài 8 chỉ dạy học trong 2 tiết). Do số tiết cho mỗi bài lớn (theo chủ điểm) là cố định (24 tiết) nên những bài có tỉ lệ VB thơ cao như bài *Thế giới trong mắt em* thì có số lượng VB nhiều hơn những bài khác.

b. Cấu trúc bài học

Mỗi văn bản đọc là trung tâm của một bài nhỏ. Khởi đầu bài học là hoạt động **khởi động** nhằm huy động trải nghiệm, hiểu biết và tạo tâm thế để HS đọc hiểu văn bản

tốt hơn. Hoạt động này thường được tổ chức dưới hình thức HS quan sát tranh thể hiện các sự việc, nhân vật có liên quan đến nội dung văn bản đọc, rồi trao đổi, thảo luận và trả lời câu hỏi. Sau hoạt động khởi động là **đọc thành tiếng**, **đọc hiểu** (thể hiện qua trả lời câu hỏi).

Riêng đối với văn bản thơ, HS được luyện tập **nhận biết vần** nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng về vần và **học thuộc lòng** (một, hai khổ thơ hoặc cả bài). Riêng đối với văn bản văn xuôi, HS được thực hành **viết câu** (viết lại câu trả lời cho câu hỏi về nội dung của VB đọc và viết câu đã hoàn thiện sau khi chọn từ ngữ phù hợp để hoàn thiện câu), **nói và nghe** (theo tranh), **nghe viết chính tả** một đoạn ngắn, **làm bài tập chính tả**. Đôi khi có hoạt động **kể chuyện** hay **đóng vai** diễn lại câu chuyện đã đọc. Cuối mỗi bài học (cả thơ và văn xuôi) có thể có hoạt động **tích hợp, mở rộng, vận dụng** đa dạng, thường dưới hình thức chơi trò chơi, giải ô chữ, vẽ, hát,... Tất cả các nội dung từ khởi động đến học thuộc lòng (đối với bài học có ngữ liệu là thơ), từ khởi động đến bài tập chính tả (đối với bài học có ngữ liệu là văn xuôi) và những hoạt động nhẹ nhàng, không mất nhiều thời gian, giúp HS thư giãn như hát, chia sẻ ngắn về một nội dung có liên quan đến bài đọc,... HS cần hoàn thành trong thời gian quy định cho mỗi bài học (thơ: 2 tiết, văn xuôi: 4 tiết). Các nội dung còn lại, tùy vào điều kiện thực tế, HS có thể hoàn thành trong thời gian dành cho mỗi bài học hoặc trong tiết thứ 11 và 12 của mỗi tuần (thuộc thời gian do chương trình quốc gia quy định).

6 THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

Bài 1

LOÀI CHIM CỦA BIỂN CẢ

- 1 Quan sát tranh và cho biết điểm khác nhau giữa chim và cá

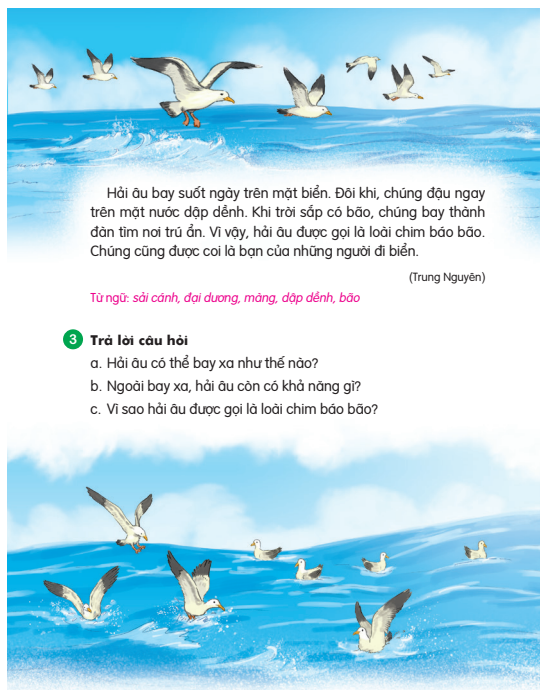


2 Đọc

Loài chim của biển cả

Hải âu là loài chim của biển cả. Chúng có sải cánh lớn, nên có thể bay rất xa, vượt qua cả những đại dương mênh mông. Hải âu còn bơi rất giỏi nhờ chân của chúng có màng như chân vịt.

104



Hải âu bay suốt ngày trên mặt biển. Đôi khi, chúng đậu ngay trên một nước đập dềnh. Khi trời sắp có bão, chúng bay thành đàn tìm nơi trú ẩn. Vì vậy, hải âu được gọi là loài chim báo bão. Chúng cũng được coi là bạn của những người đi biển.

(Trung Nguyên)

Từ ngữ: sải cánh, đại dương, màng, đập dềnh, bão

3 Trả lời câu hỏi

- Hải âu có thể bay xa như thế nào?
- Ngoài bay xa, hải âu còn có khả năng gì?
- Vì sao hải âu được gọi là loài chim báo bão?

105

4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3

- Hải âu có thể bay (...).
- Ngoài bay xa, hải âu còn (...).

5 Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

đại dương bay xa thời tiết bão đi biển

- a. Ít có loài chim nào có thể (...) như hải âu.
b. Những con tàu lớn có thể đi qua các (...).

6 Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

hải âu máy bay bay cánh



106

7 Nghe viết

Hải âu là loài chim cửa biển cả. Chúng có sải cánh lớn, nên bay rất xa. Chúng còn bơi rất giỏi nhờ chân có màng như chân vịt.



8 Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông

- a. ăn hay uân? đôi ch g gửi h luyện
b. im hay iêm? lim d quý h trái t

9 Trao đổi: Cần làm gì để bảo vệ các loài chim?



2.3. Phân tích các điểm mới cơ bản

Tiếng Việt 1 hiện thực hoá quan điểm biên soạn SGK đã nêu ở trên. Sau đây là những điểm mới cơ bản, triển khai theo quan điểm biên soạn đó:

2.3.1. Ngay từ những bài đầu tiên, sách đã đặt những âm chữ được học vào câu, gắn với một sự việc, trạng thái cụ thể. Như vậy, khác với nhiều cuốn SGK Tiếng Việt lớp 1 khác, ở giai đoạn đầu, dạy âm chữ chỉ gắn với từ ngữ (đơn vị định danh), cuốn sách *Tiếng Việt 1* này dạy âm chữ gắn ngay với câu (đơn vị giao tiếp). Từ câu trọn vẹn để nhận biết âm chữ, vẫn; rồi từ âm chữ, vẫn ghép thành tiếng, từ ngữ, câu, đoạn. SGK dạy học tiếng mẹ đẻ cho HS lớp 1 của Phần Lan, xuất bản năm 2014, đã có cách giới thiệu âm chữ mới trong bài học qua đơn vị câu. Ở Việt Nam, từ những năm cuối thập niên 60, đầu thập niên 70 của thế kỉ trước, SGK *Em học vẫn* (1969, 1971) cũng đã triển khai bài học theo cách này. Hơn 50 năm, cách nhau rất xa về thời gian và cả không gian, nhưng hai bộ SGK dạy học ngôn ngữ này đã có cách mở đầu bài học khá tương đồng. *Tiếng Việt 1* của chúng tôi lựa chọn cách đó. Ngoài ra, *Tiếng Việt 1* cũng tạo cho HS cơ hội tự đọc được câu ngay từ bài đầu (từ câu đơn giản nhất là A!). Theo cách này, HS không chỉ được phát triển nhanh kĩ năng giao tiếp mà còn có được cơ hội phát triển khả năng quan sát, tưởng tượng, suy luận,...


Việc dạy học các vần riêng biệt kết thúc ở học kì 1. Sang học kì 2, HS được học các vần bản (VB) trọn vẹn. Để thực hiện được ý tưởng đó, *Tiếng Việt 1* áp dụng những giải pháp sau:

– Các vần ít thông dụng, đặc biệt là vừa ít thông dụng vừa khó (24 vần), được đưa vào tập hai, lồng ghép vào VB đọc, tức gắn vần với từ ngữ chứa vần đó và đưa từ ngữ chứa vần đó vào ngữ cảnh giao tiếp, chứ không dạy thành bài riêng biệt như ở tập một. Đây là giải pháp cơ bản.

– Thiết kế nhiều bài học có 3 vần (đôi khi 4 vần). Các bài 3 hoặc 4 vần thường bao gồm những vần đơn giản (dễ đọc, dễ viết), phát âm gần nhau và viết tương tự nhau. Tất cả những chữ cái trong các vần đều đã được luyện viết trong phần âm chữ, vì vậy, việc viết chữ cái trong các vần không còn là vấn đề khó đối với HS. Việc đặt 3 vần (đôi khi 4 vần) đơn giản, phát âm gần nhau và viết tương tự nhau trong một bài giúp HS phát huy được khả năng loại suy khi đánh vần, rút ngắn được thời gian học các vần riêng lẻ. Để không tạo áp lực đối với GV và HS, *Tiếng Việt 1* thiết kế số lượng tiếng, từ ngữ cần viết trong các bài 3 hoặc 4 vần không nhiều hơn so với các bài 2 vần. Sách cũng chủ trương HS không nhất thiết phải đọc, viết thành thạo các vần ngay sau khi học xong các vần đó. Trong vòng 2 tiết của một bài học, HS đọc và viết các vần đến mức độ nào tùy thuộc vào khả năng của từng em. Kỹ năng đọc và viết các vần trong bài sẽ được củng cố, phát triển trong 2 tiết luyện tập tăng thêm trong mỗi tuần, trong bài ôn tập cuối tuần và được lặp đi lặp lại trong những bài học còn lại của *Tiếng Việt 1*.

Bài 62 iêc iên iêp


1 Nhận biết



Biển xanh biếc. Những hòn đảo lớn nhỏ trùng điệp.

2 Đọc

iêc	iên	iêp
b	iêc	
biếc		
thiếc	tiếc	xiếc
điện	kiến	thiên
điệp	thiếp	tiếp



xanh biếc bờ biển sò điệp

3 Viết

iêc iên iên
xanh biếc biển sò điệp

136

4 Đọc



Vịnh Hạ Long là một kì quan thiên nhiên. Nơi đây có những hòn đảo lớn nhỏ trùng điệp, soi bóng trên mặt biển xanh biếc. Du khách thích đến đây ngắm cảnh, tắm mát và đi dạo trên những bãi biển.

5 Nói

Thế giới trong lòng biển



137



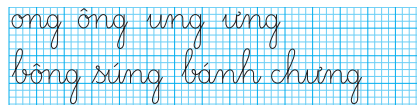
1 Nhận biết

Những bông hồng rung rinh trong gió.

2 Đọc

ong	ông	ung	ung
	tr	ong	
	trong		
dông thúng	vông vũng	bông đụng	công hùng
chong chóng	bông súng	bánh chưng	

3 Viết



4 Đọc

Nam theo mẹ đi chợ. Chợ đông vui và có bán đủ thứ. Ngay từ cổng là những dãy hàng đồ dùng gia đình. Bên trong là hàng rau, thịt và cá. Nam thích lắm vì lần đầu cùng mẹ đi chợ.

5 Nói

Chợ và siêu thị



Sách *Tiếng Việt 1* mới có 112 vần tập một, 26 vần tập hai (tổng: 138 vần). Sách *Tiếng Việt 1* năm 2002 có 89 vần tập một, 34 vần tập hai (tổng: 123 vần). Như vậy, sách *Tiếng Việt 1* mới có nhiều hơn 23 vần ở tập một so với sách *Tiếng Việt 1* năm 2002 (trong khi thời lượng cho *Tiếng Việt* lớp 1 trong chương trình 2018 tăng thêm 36 tiết so với chương trình *Tiếng Việt* năm 2002, 12 tiết tuần so với 10 tiết/tuần), và nhiều hơn 15 vần trong cả hai tập (trong khi thời lượng tăng thêm trong cả năm học là 70 tiết).

2.3.2. Các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe được kết nối và dạy học tích hợp trong một bài học. Đến tập hai, trung tâm để tạo nên sự kết nối và tích hợp đó là văn bản thuộc các kiểu loại khác nhau. Trong sách *Tiếng Việt 1* này, ở cả tập một và tập hai, người đọc không tìm thấy các phân môn mà chỉ nhìn thấy các hoạt động giao tiếp. Tuy sách không thiết kế nội dung dạy học theo các phân môn, nhưng sau khi thực hành giao tiếp trên cơ sở trung tâm của bài học là văn bản, HS sẽ đạt được tất cả những mục tiêu về phẩm chất và năng lực mà bài học đặt ra. Cách thiết kế bài học dựa trên các trục kỹ năng đọc, viết, nói và nghe là một xu hướng phổ biến đối với SGK dạy học ngôn ngữ (tiếng mẹ đẻ cũng như ngoại ngữ) của các nước phát triển ngày nay, đặc biệt là Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Australia, Phần Lan, Đức,...

2

MÁI ẤM GIA ĐÌNH

Bài 1

NỤ HÔN TRÊN BÀN TAY

1 Nói về những gì em quan sát được trong tranh



2 Đọc

Nụ hôn trên bàn tay

Ngày đầu đi học, Nam hỏi hộp lấm. Mẹ nhẹ nhàng đặt một nụ hôn vào bàn tay Nam và dặn:

– Mỗi khi lo lắng, con hãy áp bàn tay này lên má. Mẹ lúc nào cũng ở bên con.

Nam cảm thấy thật ấm áp. Cậu im lặng rồi đột nhiên mỉm cười:

– Mẹ đưa tay cho con nào!

24

4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3

Ngày đầu đi học, Nam (...).

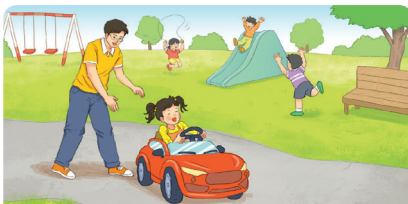
5 Chọn từ ngữ để hoán thiện câu và viết câu vào vở

mỉm cười lo lắng thủ thỉ

Mỗi lần em bị ốm, mẹ rất (...).

6 Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

chăm sóc ốm ô tô điện công viên



Nam đặt một nụ hôn vào bàn tay mẹ rồi thủ thỉ:

– Bây giờ thì mẹ cũng có nụ hôn trên bàn tay rồi. Con yêu mẹ!

Nam chào mẹ và tung tăng bước vào lớp.

(Theo Au-đrây Pen, Nụ hôn trên bàn tay, Đỗ Nhật Nam dịch)

Từ ngữ: *hối hộp, nhẹ nhàng, thủ thỉ, tung tăng*



3 Trả lời câu hỏi

a. Ngày đầu đi học, Nam thế nào?

b. Mẹ dặn Nam điều gì?

c. Sau khi chào mẹ, Nam làm gì?



25

7 Nghe viết

Mẹ nhẹ nhàng đặt nụ hôn vào bàn tay Nam.
Nam thấy thật ấm áp.



8 Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa

a. n hay l? iêm vui o lắng òng mẹ

b. c hay k? mẹ on i niệm i điệu

9 Hát một bài hát về mẹ



27

2.3.3. Ngữ liệu bảo đảm tỉ lệ cân đối, hài hoà giữa văn bản văn học và văn bản thông tin. Tăng thêm tỉ lệ văn bản thông tin và giảm tỉ lệ văn bản văn học so với các SGK Tiếng Việt lâu nay. Ngữ liệu được chọn lựa kĩ lưỡng, có nội dung phù hợp với hiểu biết và

trải nghiệm đã có của người học, có hình thức ngôn ngữ trong sáng, chuẩn mực và có tính thẩm mỹ cao; giúp HS có cơ hội kết nối với trải nghiệm cá nhân, phát triển cá tính lành mạnh và tư duy độc lập.

2.3.4. Nội dung bài học được thiết kế dưới dạng các hoạt động, bắt đầu bằng các câu lệnh thể hiện yêu cầu mà người học cần phải thực hiện. Nhờ đó, HS có thể dùng sách để tự học, cha mẹ HS có thể giúp con mình học tập ở nhà, GV thuận lợi trong việc tổ chức các hoạt động dạy học.

1 Đọc

Việt Nam quê hương ta
Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lá rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.
(Nguyễn Đình Thi)

2 Trả lời câu hỏi

- Trong đoạn thơ trên, những từ ngữ nào là tên riêng?
- Em còn biết những tên riêng nào trong các bài đọc đã học?
- Điều gì cần nhớ khi viết tên riêng?

3 Nói về quê em hoặc nơi em đang sống



4 Viết 1 – 2 câu đã nói ở mục 3

5 Hãy viết lại đúng chính tả những câu sau

- nam và hà là học sinh lớp 1
- những người lính cứu hỏa rất dũng cảm

6 Đọc mở rộng

- Tìm đọc một cuốn sách hoặc một tập thơ về đất nước và con người Việt Nam.
- Nói với bạn điều em biết thêm từ cuốn sách hoặc tập thơ đó.



2.3.5. Theo yêu cầu của chương trình mới, *Tiếng Việt 1* chú ý dành thời gian cho hoạt động đọc mở rộng. Đây là hoạt động tạo cho HS có được cơ hội tự tìm thêm sách để đọc theo sở thích của bản thân với sự hướng dẫn, hỗ trợ và kiểm tra của GV. Tập một tập trung giúp HS phát triển kỹ năng đọc âm chữ, vần, tiếng, từ ngữ, câu, đoạn văn ngắn vì vậy, yêu cầu đọc mở rộng chưa đặt ra. Ở tập hai, đọc mở rộng chủ yếu được thiết kế ở phần ôn tập của các bài học (chủ điểm). Nội dung văn bản đọc mở rộng được định hướng trên cơ sở chủ điểm của bài học mà HS vừa mới học xong. Yêu cầu đối với kỹ năng đọc cũng được tăng dần một cách hợp lý, từ yêu cầu có tính chất chung như “nói về nội dung đã đọc” đến yêu cầu cụ thể hơn như “nói suy nghĩ của em”, “nói điều em biết thêm”.

Ngoài nội dung đặc sắc, sách còn có hình thức trình bày và tranh ảnh minh họa sinh động, hấp dẫn. HS sẽ cảm thấy thích thú với việc học tiếng Việt khi cầm bộ sách này trên tay và từng bước khám phá những bài học viết cho các em ở trong đó.

2.4. Phân tích một số bài học đặc trưng

Tất cả các bài học trong SGK *Tiếng Việt 1* đều thể hiện sự đổi mới rõ nét trong thiết kế SGK theo mô hình phát triển phẩm chất và năng lực. Các hoạt động đọc, viết, nói và nghe đều được thiết kế theo nguyên tắc tích hợp, vừa sức với học sinh, đồng thời chú trọng đến tính hiệu quả.

Khác với các lớp trên, như đã giới thiệu trong phần Cấu trúc sách, SGK *Tiếng Việt 1* ở hai tập được tổ chức theo hai cách khác nhau, tập 1 dành cho việc dạy âm, vần trong các bài học riêng biệt; tập 2 dạy cho học sinh đọc, viết, nói và nghe trên cơ sở lấy văn bản đọc làm trung tâm.

Hoạt động Đọc ở các bài của tập 1 đều mở đầu bằng phần nhận biết, sau đó đọc âm, vần, tiếng, từ ngữ, câu hoặc đoạn. Hoạt động Đọc ở các bài của tập 2 đều có khởi động, đọc thành tiếng, sau đó đọc hiểu. Câu hỏi đọc hiểu được thiết kế đa dạng, nhưng chủ yếu dừng lại ở mức độ nhận biết. Đối với văn bản đọc là thơ, có yêu cầu nhận biết một số vần và học thuộc lòng một số khổ thơ.

Hoạt động Viết ở tập 1 tập trung giúp học sinh luyện viết chữ cái ghi âm đầu, viết vần, từ ngữ; cuối mỗi tuần, có viết cụm từ (những bài đầu) hoặc viết câu (từ bài 35). Hoạt động Viết ở tập 2 chú trọng giúp học sinh luyện viết câu có nội dung tích hợp với văn bản đọc, chọn từ ngữ để hoàn thiện câu rồi viết câu vào vở, và nghe viết chính tả. Trong khi viết câu, học sinh cũng bước đầu luyện viết chữ hoa (viết chữ in hoa hoặc chữ viết hoa).

Hoạt động Nói và nghe ở tập 1, học sinh được luyện nói và nghe theo chủ điểm tích hợp với văn bản đọc; trong những bài đầu tiên có xen kẽ hoạt động luyện nói và nghe theo nghi thức lời nói được quy định trong chương trình như: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép. Cuối mỗi tuần, ngoài ôn tập, có hoạt động kể chuyện. Hoạt động Nói và nghe ở tập 2 có sự khác biệt đáng kể. Học sinh quan sát tranh và dùng một số từ ngữ được cho trước để nói theo tranh; học sinh cũng có thể nói về một trải nghiệm, một vấn đề trong cuộc sống gắn gũi với các em có liên quan đến nội dung của văn bản đọc.

Ngoài ra, cuối mỗi bài còn có thể có hoạt động luyện tập tổng hợp dưới hình thức các trò chơi, giải câu đố, hát hoặc vẽ tranh để tạo hứng thú cho học sinh.

2.5. Khung kế hoạch dạy học

Theo quy định của CT GDPT 2018, môn Tiếng Việt lớp 1 được học trong 420 tiết, phân bổ trong 35 tuần. Nhà trường có thể linh hoạt sắp xếp thời gian học môn Tiếng Việt theo cách chia thời gian trung bình, mỗi tuần 12 tiết, hoặc điều chỉnh tăng giảm số tiết trong mỗi tuần tùy theo yêu cầu về tiến độ học của HS ở mỗi giai đoạn và những ảnh hưởng của các yếu tố khác miễn sao bảo đảm trong năm lớp 1,

HS được học Tiếng Việt đủ 420 tiết.

CT GDPT 2018 chú trọng dạy học phát triển năng lực HS. Việc dạy học theo CT và SGK mới đòi hỏi phải đáp ứng khả năng học tập khác nhau của từng HS. Vì vậy, khi tổ chức dạy học theo SGK, chắc chắn GV phải có những điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm HS ở các vùng miền, giữa các nhà trường, thậm chí sự khác nhau giữa các lớp và giữa các nhóm HS trong một lớp. Nhà trường, cùng với tổ bộ môn, có thể xây dựng kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt của khối lớp ở mỗi trường. Có thể thiết kế bảng gồm các cột để tiện kiểm soát kế hoạch thực hiện CT. Cụ thể:

Cột 1: Ghi rõ từng tuần học.

Cột 2: Ghi rõ từng bài học (theo SGK mới, mỗi tuần sẽ thiết kế thành các bài học, số lượng bài học mỗi tuần, ghi rõ từng tên bài học trong tuần).

Cột 3: Ghi rõ thời lượng dạy học của từng bài.

Cột 4: Ghi rõ yêu cầu cần đạt.

Cột 5: Nêu khái quát nội dung dạy học của môn học (VD: Đọc / Viết / Nói – Nghe).

Cột 6: Gợi ý phương pháp dạy học phù hợp với bài học, với đặc điểm HS và điều kiện dạy học của trường/lớp.

Cột 7: Dự kiến nội dung trọng tâm cần đánh giá kết quả học tập của HS (đánh giá thường xuyên/định kì).

Cột 8: Gợi ý sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với bài học.

Cột 9: Mô tả những điều chỉnh trong 8 cột nêu trên so với CT quốc gia (nếu có), chủ yếu ở cột 5 (Nội dung dạy học).

Việc lập kế hoạch dạy học của nhà trường và xây dựng kế hoạch dạy học đã trở thành nhiệm vụ tất yếu ở các trường phổ thông hiện nay. Nhiều nhà trường có những định hướng khác nhau về phát triển CT nhà trường trong khuôn khổ quyền tự chủ được trao.

3 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Những yêu cầu chung về phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học trong *Tiếng Việt 1* tuân thủ định hướng đổi mới phương pháp dạy học của chương trình môn Ngữ văn và chương trình giáo dục phổ thông nói chung là đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kỹ năng của HS.

a. Ở từng kiểu bài học, đối với từng hoạt động dạy học nhằm phát triển từng kỹ năng (đọc, viết, nói, nghe) cho HS, GV cần có những phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu dạy học được quy định đối với lớp 1.

b. Các nghiên cứu về dạy học và thực tiễn dạy học các lớp đầu cấp tiểu học trên thế giới đều cho thấy hiệu quả của quy trình dạy học sau: GV trình bày và làm mẫu những kỹ năng và chiến lược mới cho cả lớp. Sau đó, HS hoạt động nhóm (nhóm đôi, nhóm ba, nhóm bốn,...), chẳng hạn hỏi và trả lời, chia sẻ ý tưởng, đọc lại câu chuyện cho bạn nghe,... và học cá nhân để vận dụng những kỹ năng mới học được. Kết hợp dạy học chung cả lớp, sau đó HS học theo nhóm và học độc lập là hình thức cần được áp dụng phổ biến, linh hoạt và cân bằng.

c. Để đổi mới phương pháp dạy học, ngay từ lớp 1, nhất là sang học kì 2, trong tất cả hoạt động đọc, viết, nói và nghe, GV cần khuyến khích HS tương tác với nhau, coi đó là một cách thức quan trọng để thúc đẩy việc học và trưởng thành. Ngoài trao đổi nhóm, đóng vai kể lại câu chuyện thì tham gia các trò chơi cũng là hình thức tương tác phù hợp đối với HS lớp 1. Đối với dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp thì các hoạt động có tính tương tác càng có ý nghĩa. Nó giúp HS phát triển ngôn ngữ, tư duy và các kỹ năng xã hội một cách hiệu quả; các em trở nên tự tin hơn, có mối quan hệ bạn bè tốt hơn, tôn trọng sự khác biệt và có động lực học cao hơn. Trong khi HS làm việc nhóm, GV cần quan sát và dành thời gian làm việc với những HS hay nhóm HS cần hỗ trợ.

d. Cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho HS gặp khó khăn trong phát triển các kỹ năng giao tiếp, chẳng hạn: dành cơ hội cho những HS này được luyện tập đánh vần, đọc trơn nhiều hơn trong thời gian luyện đọc, viết tăng thêm ở học kì 1 (tiết thứ 11 và 12 trong mỗi tuần) và được thực hành nhiều hơn trong thời gian luyện tập củng cố kỹ năng ở học kì 2 (tiết thứ 11 và 12 trong mỗi tuần),.... Tương tự như vậy, cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho những HS tự tin, năng động, có khả năng đọc, viết, nói và nghe tốt hơn so với các HS khác, chẳng hạn: tăng thêm các bài tập dạng khó như viết câu sáng tạo, trình bày trước lớp, kể lại câu chuyện theo trí nhớ và có chi tiết sáng tạo,...

3.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học các nội dung cơ bản của bài học

3.2.1. Đọc: Dạy đọc nhằm giúp HS hình thành và phát triển kỹ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu. Trong giai đoạn đầu (học kì 1), đọc thành tiếng ưu tiên hơn, đọc hiểu chỉ đặt ra yêu cầu hiểu nghĩa của từ ngữ (tách biệt), câu, đoạn ngắn. Giai đoạn sau (học kì 2), đọc thành tiếng vẫn là kỹ năng ưu tiên, nhưng yêu cầu đọc hiểu tăng dần, từ văn bản ngắn, đơn giản đến văn bản dài hơn, phức tạp hơn.

Đối với đọc thành tiếng, phương pháp dạy học chủ yếu là GV đọc mẫu và HS thực hành theo mẫu. Thực hành đọc thành tiếng được tiến hành dưới các hình thức đọc

cá nhân, đọc theo nhóm, đọc đồng thanh cả lớp; theo các cấp độ đọc từng câu, đọc từng đoạn, đọc toàn văn bản. Số lượt đọc tùy thuộc vào tình hình thực tế của mỗi lớp học, nhưng cần bảo đảm thời lượng phù hợp dành cho hoạt động đọc thành tiếng; không nên lược bỏ các bước, nhưng không nên kéo quá dài thời gian đọc thành tiếng, nhất là thời gian từng HS đọc nối tiếp từng câu. Đọc phân vai theo một truyện kể cũng cần được khai thác. Đối với đọc hiểu, phương pháp dạy học chủ yếu là GV huy động trải nghiệm, hiểu biết của HS có liên quan đến nội dung của văn bản đọc, cho HS so sánh, liên hệ mở rộng; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại với HS, cho HS thảo luận nhóm (nhóm đôi, nhóm ba, nhóm bốn,...). Trước khi đọc văn bản, GV có thể cho HS dựa vào nhan đề và tranh minh họa để suy đoán nội dung văn bản. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ nên áp dụng đối với một số văn bản và những đối tượng HS phù hợp. Phương châm là phương pháp dạy đọc hiểu phải kích hoạt được việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc.

3.2.2. Viết: Dạy viết nhằm giúp HS hình thành và phát triển kĩ năng viết chữ (tập viết, chính tả) và viết câu (có vận dụng hiểu biết về ngữ pháp và sáng tạo). Dạy kĩ năng viết chữ chủ yếu sử dụng phương pháp GV làm mẫu, HS thực hành theo mẫu. Dạy viết câu có thể vừa sử dụng phương pháp GV làm mẫu, HS thực hành theo mẫu vừa sử dụng phương pháp khơi gợi khả năng tưởng tượng, liên hệ, sáng tạo bằng cách dùng tranh ảnh gợi ý, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, từ đó HS có thể viết câu đúng và thể hiện những ý tưởng sáng tạo,...

3.2.3. Nói và nghe: Dạy nói và nghe cũng cần chú ý vận dụng phương pháp GV làm mẫu và HS thực hành theo mẫu; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại với HS, HS thảo luận nhóm (nhóm đôi, nhóm ba, nhóm bốn,...) rồi trình bày trước nhóm và trước lớp; nghe kể chuyện và kể lại hoặc đóng vai diễn lại câu chuyện đã nghe.

3.3. Hướng dẫn quy trình dạy học một số dạng bài

Tiếng Việt 1 gồm 2 tập. Các bài học trong mỗi tập được tổ chức rất khác nhau.

Vì vậy, quy trình dạy học các dạng bài ở mỗi tập cũng không giống nhau.

Tập một

Bài học ÂM CHỮ, VẦN

Như đã trình bày trong phần giới thiệu về cấu trúc bài học, ngoài các bài *Ôn tập và kể chuyện* cuối tuần, các bài học ở tập một đều gồm có các phần:

- (1) Nhận biết;
- (2) Đọc (âm/vần, tiếng, từ ngữ);

- (3) Viết;
- (4) Đọc (câu/đoạn);
- (5) Nói và nghe.

Các hoạt động dạy học trong mỗi bài đều được triển khai theo đúng trình tự những phần này. Nói chung các bài học đều dạy học theo quy trình giống nhau ở các phần: Nhận biết, Viết, Đọc (câu, đoạn) và Nói – nghe. Sự khác biệt ở các dạng bài thể hiện chủ yếu ở phần Đọc (âm/vần, tiếng, từ ngữ). Trước phần *Nhận biết* thường có *Ôn tập* bài được học trước đó và phần *Củng cố* trước khi kết thúc bài học.

Dĩ nhiên, trước khi thực hiện các hoạt động dạy học này, GV cần tìm hiểu, phân tích kĩ mục tiêu bài học; chuẩn bị kiến thức nền (về tiếng Việt cũng như đời sống) và phương tiện dạy học phù hợp với yêu cầu của bài học và điều kiện thực tế.

Dưới đây là quy trình thực hiện các hoạt động dạy học trong bài học về âm chữ hoặc vần.

1. Nhận biết

GV yêu cầu HS quan sát tranh (có thể trao đổi trong nhóm đôi, nhóm ba, nhóm bốn,...) và trả lời các câu hỏi có liên quan đến nội dung tranh. Sau khi một số HS (2 – 3 HS) trả lời, GV và HS thống nhất câu trả lời.

GV đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. (GV: *Các em vừa nói về những gì đã nhìn thấy trong tranh. Bây giờ chúng ta làm quen với câu viết dưới tranh. Cô/thầy đọc, các em đọc theo*). GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS đọc lặp lại câu nhận biết một số lần. Lưu ý, nói chung, HS không tự đọc được những câu nhận biết này, vì vậy, GV cần đọc chậm rãi theo tốc độ phù hợp để HS có thể bắt chước để đọc theo.

– GV giới thiệu chữ ghi âm hoặc vần được học trong bài (GV: *Chú ý, trong câu chúng ta vừa đọc, có chữ ghi âm/vần X được tô màu đỏ. Hôm nay chúng ta học chữ ghi âm/vần X*). GV viết/trình chiếu chữ ghi âm/vần X lên bảng.

2. Đọc (âm/vần, tiếng, từ ngữ)

Có 3 dạng bài:

- (1) Bài học âm chữ;
- (2) Bài học vần theo cách đọc từng vần một, sau đó mới so sánh các vần (chủ yếu cho bài có 2 vần);
- (3) Bài học vần theo cách so sánh các vần, sau đó mới đọc từng vần một (chủ yếu cho bài có 3 hoặc 4 vần).

Tương ứng với 3 dạng bài này có 3 quy trình dạy đọc (thành tiếng) khác nhau.

Dạng bài học ÂM CHỮ

a. Đọc âm

a.1. Đọc âm

Đọc âm X

– GV đưa chữ ghi âm X để giúp HS nhận biết chữ mới trong bài học này.

(Có thể viết lên bảng hoặc dùng những cách khác như: 1) gắn chữ ghi âm X lên bảng; 2) chiếu chữ ghi âm X lên màn hình; 3) dùng bảng phụ đã viết sẵn chữ ghi âm X).

– GV đọc mẫu âm X.

– Một số (4 – 5) HS đọc âm X, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh một số lần.

a.2. Đọc âm Y (Bài nào chỉ học một chữ hoặc chỉ một chữ và dấu thanh thì không có mục này.)

Quy trình giống với quy trình luyện đọc âm X.

b. Đọc tiếng

b.1. Đọc tiếng mẫu

– GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu trong SHS.

– Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.

– Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.

b.2. Ghép chữ cái tạo tiếng

– HS tự tạo các tiếng có chứa âm chữ đang học.

– Một số (3 – 4) HS phân tích tiếng, một số (2 – 3) HS nêu lại cách ghép.

b.3. Đọc tiếng trong SHS

– Đọc tiếng chứa âm chữ thứ nhất

+ GV đưa các tiếng chứa âm chữ thứ nhất, yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa âm chữ thứ nhất).

+ Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng một âm chữ đang học (nếu lớp HS đọc tốt, bỏ qua bước này).

+ Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng có cùng một chữ đang học. (HS nào lúng túng không đọc được, GV cho HS đó đánh vần lại rồi mới đọc trơn).

– Đọc tiếng chứa âm chữ thứ hai

– Quy trình tương tự với quy trình luyện đọc tiếng chứa âm chữ thứ nhất.

- Đọc trơn các tiếng chứa những âm chữ đang học: Một số (3 – 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng có cả hai âm chữ.
- Một số (2 – 3) HS đọc tất cả các tiếng.

c. Đọc từ ngữ

- GV đưa tranh minh họa các từ ngữ. (GV gắn lên bảng tranh phóng to minh họa các từ ngữ hoặc trình chiếu các hình này. GV cho các tranh xuất hiện trước, HS nói tên của sự vật, hiện tượng trong mỗi tranh. GV: *Các em hãy nói tên của sự vật, hiện tượng trong mỗi tranh.* HS quan sát tranh, 3 – 4 HS nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ xuất hiện dưới mỗi hình.)
- HS tìm từ ngữ mới có âm chữ vừa học.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. (GV chỉ HS đọc không theo thứ tự cố định). Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

Dạng bài học VẦN (2 vần)

Quy trình gồm các bước sau:

a. Đọc vần

a.1. Đọc vần thứ nhất

- Đánh vần
- + GV đánh vần mẫu. (Chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai.)
- + Một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đánh vần.
- + Lớp đánh vần đồng thanh một lần.
- Đọc trơn vần
- + Một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần.
- + Lớp đọc trơn đồng thanh một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
- + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần
- + GV yêu cầu HS nêu cách ghép.

a.2. Đọc vần thứ hai

Quy trình tương tự quy trình luyện đọc vần thứ nhất

a.2. So sánh các vần: Tìm điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần trong bài. GV yêu cầu HS nêu lại các vần vừa học.

b. Đọc tiếng

b.1. Đọc tiếng mẫu

- GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS)
- Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.

b.2. Ghép chữ cái tạo tiếng

- HS tự tạo các tiếng có chứa vần đang học.
- GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.

b.3. Đọc tiếng trong SHS

- Đọc tiếng chứa vần thứ nhất
- + GV đưa các tiếng chứa vần thứ nhất, yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa vần thứ nhất).
- + Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng cùng vần (nếu lớp HS đọc tốt, bỏ qua bước này).
- + Đọc trơn các tiếng cùng vần (HS nào lúng túng không đọc được, GV cho HS đó đánh vần lại rồi mới đọc trơn).
- Đọc tiếng chứa vần thứ hai

Quy trình tương tự với quy trình luyện đọc tiếng chứa vần thứ nhất.

- Đọc trơn các tiếng chứa hai vần đang học: Một số (3 – 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng lần hai nhóm vần.
- Một số (2 – 3) HS đọc tất cả các tiếng.

c. Đọc từ ngữ

- GV đưa tranh minh họa cho các từ ngữ. (GV gắn lên bảng tranh phóng to minh họa cho các từ ngữ hoặc trình chiếu các hình này. GV cho các tranh xuất hiện trước, HS nói tên của sự vật, hiện tượng trong mỗi tranh. GV: Các em hãy nói tên của sự vật, hiện tượng trong mỗi tranh. HS quan sát tranh, 3 – 4 HS nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ xuất hiện dưới mỗi hình.)
- HS tìm từ ngữ mới có vần vừa học.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. (GV chỉ HS đọc không theo thứ tự cố định). Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

Dạng bài học VẦN (3 hoặc 4 vần)

Quy trình gồm các bước sau:

a. Đọc vần

– So sánh các vần

Nói chung, các bài học 3 hoặc 4 vần thường bao gồm những vần gần nhau về âm và chữ viết, nên quy trình dạy cần tận dụng đặc điểm đó để HS được làm quen và thực hành đọc thành tiếng các vần một cách nhanh nhất. Vì vậy, trước khi HS luyện đọc từng vần, GV hướng dẫn các em so sánh các vần được học trong bài. Sau đây là ví dụ bài học các vần *an, ă, ân*. Trình tự gồm các bước:

+ GV giới thiệu các chữ ghi vần *an, ă, ân*.

+ Một số (2 – 3) HS so sánh vần *ăn, ân* với *an* để tìm ra điểm giống và khác nhau. (GV có thể hướng dẫn: *Các em hãy quan sát và so sánh xem các vần học hôm nay có gì giống và khác nhau. HS: Giống nhau là đều có chữ n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: a, ă, â*). GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.

– Đánh vần các vần

+ GV đánh vần mẫu các vần *an, ă, ân*. (GV: Khi đánh vần, các vần *an, ă, ân* khác nhau thế nào? Hãy cùng lắng nghe và quan sát thầy/cô làm mẫu: *a*

– *nờ – an, á – nờ – ă, ơ – nờ – ân*). GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai).

+ Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.

+ Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.

– Đọc trơn các vần

+ Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.

+ Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.

– Ghép chữ cái tạo vần

+ HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *an*.

+ HS tháo chữ *a*, ghép *ă* vào để tạo thành *ăn*.

+ HS tháo chữ *ă*, ghép *â* vào để tạo thành *ân*.

– Lớp đọc đồng thanh *an, ăn, ân* một số lần.

b. Đọc tiếng

– Đọc tiếng mẫu

+ GV giới thiệu mô hình tiếng *bạn*. (GV: *Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng, chúng ta cùng thực hành. Các em lấy chữ b ghép trước vần an, thêm thanh nặng dưới chữ a xem ta được tiếng nào.* 1 – 2 HS: *Ta ghép được tiếng “bạn”.*)

+ Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *bạn* (*bờ – an – ban – nặng – bạn*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *bạn*.

+ Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *bạn*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *bạn*.

– Ghép chữ cái tạo tiếng

+ HS tự tạo các tiếng có chứa vần *an*, *ăn* hoặc *ân*. (GV đưa mô hình tiếng *bạn*, vừa nói vừa chỉ mô hình: *Muốn có tiếng bạn chúng ta thêm chữ b vào trước vần an và thanh nặng dưới âm a. Hãy vận dụng cách làm này để tạo các tiếng có chứa vần ăn hoặc vần ân vừa học.* GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: *Đó là tiếng gì?*). GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.

– Đọc tiếng trong SHS

+ Đánh vần tiếng (nếu lớp nào đọc tốt thì có thể bỏ qua bước này). GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.

+ Đọc trơn tiếng. (HS nào lúng túng không đọc trơn ngay được thì GV cho HS đó đánh vần lại tiếng). Mỗi HS đọc trơn một tiếng, nối tiếp nhau, hai lượt.

+ Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.

c. Đọc từ ngữ

– GV đưa hình minh họa các từ ngữ: *bạn thân, khăn rằn*.

(GV gắn lên bảng hình phóng to minh họa các từ ngữ hoặc trình chiếu các hình này. GV cho các hình xuất hiện trước, HS nói tên của sự vật, hiện tượng trong mỗi hình. GV: *Các em hãy nói tên của sự vật, hiện tượng trong mỗi hình (có thể nói tắt: tên của mỗi hình).* HS quan sát tranh, 3 – 4 HS nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ xuất hiện dưới mỗi hình.

– HS tìm từ ngữ mới có vần *an*, *ăn* hoặc *ân*.

– HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. (GV chỉ HS đọc không theo thứ tự cố định). Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

3. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ ghi âm/ vần X và hướng dẫn HS quan sát.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu cách viết chữ ghi âm/vần X.
- HS viết vào bảng con chữ ghi âm/vần X và tiếng có chữ ghi âm/vần X. Chú ý liên kết các nét trong chữ, giữa các chữ trong vần và tiếng.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

Lưu ý: Thông thường, viết bảng sẽ kết thúc vào cuối tiết 1. Nhưng không nên tạo áp lực cho HS phải kết thúc viết bảng ở tiết 1. Nếu có HS viết chậm thì các em có thể kéo dài viết bảng sang tiết 2.

4. Viết vở

- HS viết vào vở chữ ghi âm/vần X. Với các bài vần, buổi sáng, HS có thể chỉ cần viết các vần. Nếu còn thời gian thì mới chuyển qua phần viết từ ngữ chứa các vần đó.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn hoặc viết chưa đúng cách.
- HS nhận xét, đánh giá chữ viết của nhau.
- GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.

Lưu ý: Một phần của nội dung viết vở sẽ kết thúc khoảng 10 – 15 phút sau khi bắt đầu tiết 2. Phần nội dung viết vở còn lại được thực hiện vào 2 tiết còn lại trong tuần (tiết thứ 11 và 12). Vì vậy, khả năng HS viết đến đâu thì các em viết đến đấy, không tạo áp lực để các em phải hoàn thành hết phần viết vở trong buổi sáng.

5. Đọc câu/ đoạn văn

a. Đọc câu

- GV đọc mẫu.
- HS đọc thầm cả câu và tìm tiếng chứa X.
- HS đọc thành tiếng câu (theo cá nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.

b. Đọc đoạn văn:

GV đọc mẫu cả đoạn.

- HS đọc thầm cả đoạn và tìm tiếng chứa X.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần mới trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.

- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn.

6. Nói

Phần *Nói theo tranh* có hai dạng: a) thực hành một số nghi thức lời nói (chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép) (bài 1 và 3 trong mỗi tuần, kéo dài 10 tuần) và b) nói theo chủ điểm (thường là cùng với chủ điểm của phần đọc).

a. Thực hành nghi thức lời nói (trong các tuần đầu, khi phần đọc chưa nhiều thì thời gian cho thực hành nghi thức lời nói có thể dài hơn)

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt câu hỏi. Một số HS trả lời.
- GV và HS thống nhất câu trả lời. GV phân tích tình huống giao tiếp trong tranh và nghi thức lời nói cần sử dụng.
- HS chia nhóm thực hành nghi thức lời nói.
- Đại diện một nhóm thực hành nghi thức lời nói trước cả lớp. GV và HS nhận xét.

b. Nói theo chủ điểm

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt câu hỏi. Một số HS trả lời.
- GV hướng dẫn HS chia nhóm nói về những gì quan sát được trong tranh.
- Một số HS đại diện nhóm nói về các nội dung trong tranh.

7. Củng cố

- GV nhận xét chung về giờ học; khen ngợi, động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại âm chữ/vần vừa học và khuyến khích HS thực hành giao tiếp tại nhà.

Bài ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN

TIẾT 1

1. Khởi động

GV có thể tạo tâm thế cho giờ học bằng đố vui, hát, trò chơi,... Tùy vào điều kiện thực tế, GV có thể chủ động lựa chọn hình thức hoạt động cho phù hợp.

2. Đọc âm chữ/vần, tiếng, từ ngữ

– Với các bài ôn cuối tuần phần học âm chữ: Luyện đọc tiếng theo mô hình âm tiết được thiết kế thành bảng trong SHS. Đọc từ ngữ có âm chữ được học trong tuần: HS đọc thành tiếng (cá nhân, nhóm), đọc đồng thanh (cả lớp). Số từ ngữ được đọc và số lượt đọc tùy vào khả năng của HS và điều kiện thời gian.

– Với các bài ôn cuối tuần phần học vần: Đọc tiếng, từ ngữ: HS đọc thành tiếng (cá nhân, nhóm), đọc đồng thanh (cả lớp). Một số bài ôn (bài 35, 50, 70): Luyện đọc vần theo mô hình vần được thiết kế thành bảng trong SHS.

3. Đọc câu/đoạn

- HS đọc thầm cả câu/đoạn, tìm tiếng có chứa các âm chữ/vần đã học trong tuần.
- GV hỏi HS về các tiếng chứa âm chữ/vần đã học có trong câu hoặc mỗi câu của đoạn.
- GV giải thích nghĩa từ ngữ (nếu cần).
- GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng cả câu/đoạn (theo cá nhân hoặc/và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.
- GV hỏi, HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc.

4. Viết

- GV đưa cụm từ (phần học âm chữ) hoặc câu (phần học vần) cần viết lên bảng/màn hình và hướng dẫn HS quan sát.
- GV viết mẫu và nêu quy trình viết.
- HS viết vào *Tập viết* cụm từ/câu. Số lần lặp lại tùy thuộc vào điều kiện thời gian và tốc độ viết của HS.
- GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái, vị trí của dấu thanh, khoảng cách giữa các chữ.
- GV quan sát và sửa lỗi cho HS.

TIẾT 2

(Một số nội dung của tiết 1 có thể được hoàn thành ở tiết 2. GV linh hoạt.)

5. Kể chuyện

a) GV kể chuyện và đặt câu hỏi

Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.

Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.

b) Sau khi trả lời câu hỏi, một số HS quan sát từng tranh và kể lại từng đoạn của truyện kể theo gợi ý dưới tranh. Cuối cùng, một số HS kể lại toàn bộ câu chuyện. Nếu HS có khả năng kể chuyện tốt, GV có thể cho các em thi nhau kể lại toàn bộ câu chuyện đã nghe hoặc/và đóng vai các nhân vật (có thể hoá trang theo cách đơn giản, có tính ước lệ) để kể lại câu chuyện đã nghe.

Tập hai

Ngoài phần Mục tiêu, Chuẩn bị bài học, Phương tiện dạy học và Củng cố như ở tập một, các bài ở tập hai có một số khác biệt trong tổ chức các hoạt động dạy học.

Dạng bài THƠ

Với bài thơ, thời gian là 2 tiết. Quy trình dạy học gồm các bước sau:

1. Ôn và khởi động

- Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.
- Khởi động: Mở đầu các bài học bao giờ cũng có tranh. HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi. Bằng cách đó, bài học huy động được hiểu biết, trải nghiệm và khơi gợi hứng thú của HS, chuẩn bị cho các em tiếp cận VB một cách thuận lợi.

2. Đọc

- GV đọc mẫu toàn bài thơ. Chú ý đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.
- HS đọc từng dòng thơ.
- + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1. GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với HS.
- + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2. GV hướng dẫn HS luyện đọc, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, nhịp thơ.
- HS đọc từng khổ thơ.
- + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ.
- + Một số HS đọc nối tiếp từng khổ thơ, 2 lượt.
- + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ.
- + HS đọc từng khổ thơ/đoạn trong nhóm.
- + Một số HS đọc khổ thơ/đoạn, mỗi HS đọc một khổ thơ/đoạn. Các bạn nhận xét, đánh giá.
- HS đọc cả bài thơ
- + Một hai HS đọc thành tiếng cả bài thơ.
- + Lớp đọc đồng thanh cả bài thơ.

3. Tìm tiếng có vần giống nhau

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm tiếng có cùng vần trong từng khổ thơ hoặc trong bài thơ.
- GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả. Các bạn nhận xét, đánh giá.
- GV và HS thống nhất câu trả lời phù hợp.

4. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi.

- HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi và trả lời cho từng câu hỏi.
- GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời. Các bạn nhận xét, đánh giá.
- GV và HS thống nhất câu trả lời phù hợp.

5. Học thuộc lòng

- GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu (những) khổ thơ cần học thuộc lòng.
- Một HS đọc thành tiếng toàn bộ (những) khổ thơ đó.
- GV hướng dẫn HS học thuộc lòng bằng cách xoá/che dần một số từ ngữ trong (những) khổ thơ cho đến khi xoá/che hết. HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá/che dần. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS học thuộc lòng (những) khổ thơ đó.

Ngoài ra có thể có một số hoạt động tích hợp, mở rộng, vận dụng.

6. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại nội dung chính.
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

Dạng bài VĂN XUÔI

(Truyện và văn bản thông tin)

Với văn bản văn xuôi, thời gian là 4 tiết (trừ văn bản *Ruộng bậc thang ở Sa Pa*, chỉ dạy trong 2 tiết). Quy trình dạy học gồm các bước sau:

TIẾT 1 + 2

1. Ôn và khởi động

Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

Khởi động:

- + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi.
- + Một số (2 – 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.
- + GV và HS thống nhất câu trả lời.

GV dẫn vào bài học.

2. Đọc

GV đọc mẫu toàn VB.

GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới (nếu có).

HS đọc câu: Một số HS đọc nối tiếp từng câu, 1 lượt. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ khó đọc và những câu dài. GV có thể cho một số HS đọc nối tiếp từng câu lượt 2 (nếu cần).

- HS đọc đoạn.
- + GV chia VB thành các đoạn.
- + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 1 lượt. GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài.
- + HS đọc đoạn trong nhóm.
- + Một số HS đọc đoạn trước lớp.
- HS đọc VB: 1 – 2 HS đọc toàn VB. Cả lớp đọc đồng thanh toàn VB, 1 lượt.

3. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời câu hỏi.
- HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh họa và câu trả lời cho từng câu hỏi.
- GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời.

Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).

4. Viết vào vở câu trả lời cho một hoặc hai câu hỏi

- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu trả lời cần viết và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở (Khi HS còn cần tô chữ hoa, GV cần trình chiếu câu lên bảng để HS nhìn và chép lại. Đến khi HS biết tự viết chữ hoa và có khả năng tự viết lại câu trả lời thì việc trình chiếu này có thể không cần).
- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.
- Trước khi cho HS viết câu, GV hướng dẫn HS tô những chữ viết hoa (có trong câu viết ở mục này cũng như ở mục 6 dưới đây và có trong câu/đoạn nghe viết chính tả) trong *Tập viết 1* (ở khoảng trống ngay trên các câu, đoạn cần viết). Tuy nhiên, chữ hoa trong câu, đoạn cần viết không nhất thiết phải là chữ viết hoa mà có thể là chữ in hoa để HS không phải chịu áp lực luyện viết chữ viết hoa.

TIẾT 3 + 4

5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu. (Nếu cần thiết, GV có thể giải thích cho HS nghĩa của những từ ngữ đã cho, lưu ý khả năng kết hợp của những từ ngữ này.)

- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả, thống nhất phương án đúng.
- GV yêu cầu HS viết câu hoàn thiện vào vở.

6. Quan sát tranh, dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

- GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.
- HS làm việc nhóm, quan sát tranh và nói trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.
- Một số HS trình bày kết quả nói theo tranh

Một số bài học có ngữ liệu là truyện thì có thể có hoạt động “Quan sát tranh và kể lại câu chuyện”

- GV hướng dẫn HS quan sát, phân tích tranh, tìm những ý trong câu chuyện tương ứng với mỗi tranh.
- HS kể nối tiếp theo từng tranh. Chú ý ngữ điệu, cử chỉ khi kể.
- HS phân vai kể toàn bộ câu chuyện. HS có thể hoá trang ở mức đơn giản, có tính ước lệ và diễn lại câu chuyện.
- GV và HS khác nhận xét.

7. Nghe viết

- GV đọc to câu/đoạn văn cần viết.
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.
- + Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.
- + Chữ dễ viết sai chính tả.
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- Đọc và viết chính tả.
- + GV đọc từng câu cho HS viết. Trong mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ. Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi phù hợp tốc độ viết của HS.
- + Sau khi đọc chính tả, GV đọc lại một lần toàn bộ câu/đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.
- + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi. GV nhận xét.

8. Bài tập chính tả (chọn âm chữ/vần phù hợp để thay cho ô vuông/bông hoa; tìm từ ngữ có tiếng chứa âm chữ/vần X)

- GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm đôi để tìm những chữ/vần phù hợp (hoặc tìm từ ngữ có tiếng chứa âm chữ/vần cần tìm).
 - Một số (2 – 3) HS lên trình bày kết quả trước lớp.
 - Một số HS đọc to các từ ngữ. Sau đó, cả lớp đọc đồng thanh một số lần.
- Ngoài ra, có thể có một số hoạt động tích hợp, mở rộng, vận dụng.*

9. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại nội dung chính.
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

3.4. Một số lưu ý khi tổ chức các hoạt động dạy học

3.4.1. Giải thích nghĩa của từ ngữ

GV cần nắm vững nghĩa của tất cả các từ ngữ có trong SHS. Tuy nhiên, ở học kì 1, SHS chủ yếu sử dụng những từ ngữ thông dụng, dễ hiểu và thường có hình minh họa để giúp HS tiếp nhận được ngay nghĩa của từ ngữ và nội dung bài học nói chung. Vì vậy, việc giải thích nghĩa của từng từ ngữ riêng lẻ như cách giải thích trong từ điển là chưa cần thiết và HS cũng khó tiếp nhận được. Nếu có tình huống đặc biệt cần giải thích từ ngữ thì sử dụng phương pháp giải thích nghĩa của từ ngữ bằng hình ảnh trực quan hay đưa những ví dụ cụ thể có dùng từ ngữ cần giải thích để HS hình dung được nghĩa của từ ngữ, qua đó hiểu được nội dung câu, đoạn văn. Ở học kì 2, những từ ngữ khó xuất hiện trong các văn bản đọc được ghi ngay dưới văn bản trong SHS. Phần giải thích nghĩa được đưa vào SGK. Ngoài cách giải thích được gợi ý trong SGK, GV có thể vận dụng những cách giải thích có tính trực quan và dùng những ví dụ minh họa cụ thể để HS có thể hiểu nghĩa của các từ ngữ khó một cách dễ dàng.

3.4.2. Quy trình dạy học đánh vần

Quy trình dạy học đánh vần các bài 3 vần (đôi khi 4 vần) khác với quy trình dạy học các bài 2 vần. Các bài 3 hoặc 4 vần đều bao gồm những vần phát âm gần nhau và đồng dạng về chữ viết. Vì vậy, với những bài này, trước khi luyện đọc từng vần, HS nên được so sánh để nhận biết sự tương đồng và khác biệt giữa các vần trong một nhóm vần. Thao tác đó giúp cho việc học đọc và viết các vần tương tự được diễn ra thuận lợi và hiệu quả hơn. Tuy vậy, GV có thể sử dụng thay đổi quy trình miễn sao việc dạy đánh vần được tiết kiệm thời gian và hiệu quả.

HS không nhất thiết phải đọc, viết thành thạo các vần ngay sau khi học xong các vần đó vì kĩ năng đọc và viết các vần trong bài được tiếp tục củng cố trong 2 tiết luyện tập tăng thêm (tiết thứ 11 và 12 trong mỗi tuần), trong bài ôn tập cuối tuần và được lặp đi lặp lại trong những bài học còn lại của **Tiếng Việt 1**.

3.4.3. Cách đánh vần

Có một số cách đánh vần khác nhau. **Tiếng Việt 1** không quy định cứng nhắc cách đánh vần nào. Tùy vào khả năng của HS mà GV lựa chọn cách đánh vần cho phù hợp và hiệu quả. Chẳng hạn, với tiếng *bàn*, có thể áp dụng một trong những cách đánh vần sau đây:

(1) bờ – an – ban – huyền – bàn

(dành cho những HS khả năng đọc bình thường);

(2) a – nờ – an – bờ – an – ban – huyền – bàn

(dành cho những HS khả năng đọc hạn chế).

Ngoài ra, nếu HS nào không cần đánh vần thì có thể cho các em đọc trơn (đọc cả âm tiết), bỏ qua bước đánh vần.

3.4.4. **Viết chữ hoa**

Chương trình Tiếng Việt lớp 1 chỉ quy định HS “biết viết chữ hoa”, không bắt buộc viết chữ in hoa hay viết chữ viết hoa. Ở tập một, phần học âm chữ, cuối mỗi tuần có nội dung viết cụm từ trong bài ôn tập. Sang phần học vần, cuối mỗi tuần có nội dung viết câu ngắn. Trong *Tập viết*, chữ hoa đầu câu được in sẵn (mẫu chữ in hoa), HS chỉ cần viết phần còn lại của câu, không cần viết chữ hoa. Ở tập hai, viết chữ hoa không được dạy học thành mục riêng mà kết hợp trong các hoạt động viết câu, đoạn (viết lại câu trả lời đã nói trước đó, viết câu hoàn thiện sau khi điền từ ngữ phù hợp vào chỗ trống, nghe viết chính tả một đoạn ngắn). Trước khi cho HS viết câu, đoạn, GV hướng dẫn HS tô chữ viết hoa (có trong câu, đoạn cần viết) trong *Tập viết* (mục tô chữ hoa ngay trên bài tập viết). Tuy nhiên, chữ hoa trong câu, đoạn cần viết không nhất thiết phải là chữ viết hoa mà có thể là chữ in hoa để HS không phải chịu áp lực luyện viết chữ viết hoa. Ngoài ra, trong hoạt động viết câu sáng tạo thì HS cần tự viết chữ hoa. Theo tinh thần của chương trình Ngữ văn 2018, *Tiếng Việt 1* đề nghị phương án viết chữ hoa để nhà trường và GV lựa chọn. Cần lưu ý là dù viết theo kiểu chữ nào thì GV cũng không nên tạo áp lực HS phải viết chữ đẹp. Yêu cầu quan trọng đối với tất cả HS là viết chữ đúng nét, rõ, dễ đọc. Còn viết chữ đẹp chỉ nên coi là lựa chọn theo sở thích và năng khiếu của HS.

4 HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

4.1. Định hướng đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh trong môn Tiếng Việt

Đánh giá kết quả học tập trong *Tiếng Việt 1* tuân thủ định hướng đổi mới về mục tiêu, nội dung, cách thức đánh giá trong môn Ngữ văn nói chung.

4.1.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong học tập, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học.

4.1.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe được quy định trong chương trình.

a. Về phẩm chất, đánh giá HS thông qua các biểu hiện về: yêu thiên nhiên; yêu quê hương, nơi sinh sống; yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình; yêu quý bạn bè, thầy cô và những người khác xung quanh.

b. Về năng lực chung

– **Năng lực tự chủ và tự học:** Đánh giá khả năng tự làm được những việc của mình theo sự phân công, hướng dẫn; nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân.

– **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Đánh giá khả năng tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp; bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập.

– **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Đánh giá khả năng nhận ra được những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi; nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng.

c. Về năng lực đặc thù (đọc, viết, nói, nghe)

– **Đọc:** Đánh giá kĩ năng đọc gồm kĩ năng đọc thành tiếng và kĩ năng đọc hiểu. Về kĩ năng đọc thành tiếng, ở học kì 1, nhất là thời gian đầu, tập trung vào khả năng HS đọc âm, vần và đánh vần tiếng; khả năng đọc trơn tiếng, từ, câu, đoạn ngắn. Ở học kì 2, tập trung vào đánh giá kĩ năng đọc văn bản với yêu cầu đọc đúng, rõ ràng, trôi chảy và theo tốc độ như chương trình quy định.

Đánh giá kĩ năng đọc hiểu dựa vào kết quả HS trả lời các câu hỏi liên quan đến những nội dung tường minh, thể hiện cảm nghĩ và liên hệ với bản thân ở mức đơn giản như cảm nghĩ về nhân vật hay câu chuyện, bài học từ văn bản,...

– **Viết:** Đánh giá kĩ năng viết dựa trên nhiều hình thức viết đa dạng với những yêu cầu khác nhau: viết chữ (ghi âm, vần, tiếng, từ ngữ), chép chính tả, nghe viết chính tả, viết lại câu trả lời, viết câu hoàn thiện sau khi điền và viết sáng tạo một hai câu ngắn. Với kĩ năng viết chữ, chép chính tả, nghe viết chính tả, việc đánh giá chú ý đến cách HS cầm bút, nét chữ HS viết và mức độ đúng chính tả. Với kĩ năng viết lại câu trả lời, viết câu hoàn thiện sau khi điền và viết câu mới, cần chú ý đánh giá về mức độ đúng chính tả, kĩ năng dùng từ ngữ và đặt câu. Riêng về chữ hoa, chương trình Tiếng Việt lớp 1 chỉ quy định HS “biết viết chữ hoa”, vì vậy cần đánh giá khả năng viết chữ hoa một cách nhẹ nhàng, linh hoạt. HS có thể viết bất kì dạng chữ hoa nào, chữ in hoa hay viết hoa đều được chấp nhận. GV chỉ đặt ra yêu cầu HS có ý thức viết chữ hoa theo quy định chính tả, thể hiện được ý thức đó qua chữ viết và viết rõ con chữ; chưa cần tập trung đánh giá kĩ năng viết chữ hoa của HS.

– **Nói và nghe:** Đánh giá về sự tự tin của HS khi nói, trao đổi, thảo luận trong nhóm và trước lớp; khả năng phát âm đúng, rõ với tốc độ phù hợp; khả năng sử dụng ngôn ngữ chính xác; khả năng tập trung khi nghe; khả năng trả lời câu hỏi thể hiện hiểu được nội dung đã nghe.

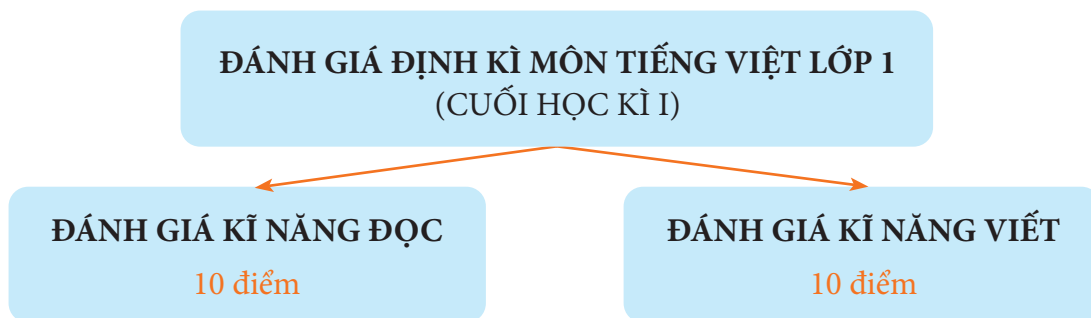
4.2. Gợi ý về đề kiểm tra, đánh giá

Các phẩm chất và năng lực chung được đánh giá bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét, thực hiện trong suốt năm học. Các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được đánh giá vừa bằng định tính, thực hiện trong suốt năm học; vừa bằng định lượng, được thực hiện vào cuối học kì và cuối năm.

Cuối tuần ôn tập của mỗi học kì có một đề kiểm tra tham khảo. Nhà trường và GV có thể dựa vào cấu trúc và mức độ yêu cầu về các kĩ năng để thiết kế đề kiểm tra phù hợp với HS của mình. Với HS lớp 1, cần ưu tiên đánh giá bằng định tính trong quá trình dạy học. Đánh giá định lượng (cho điểm) chỉ thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan quản lí giáo dục.

Hiện nay, đề kiểm tra định kì tập trung vào 2 kĩ năng: Đọc và Viết. Nội dung kiểm tra và cách cho điểm dự kiến như sau:

4.2.1. Kiểm tra, đánh giá định kì cuối học kì 1



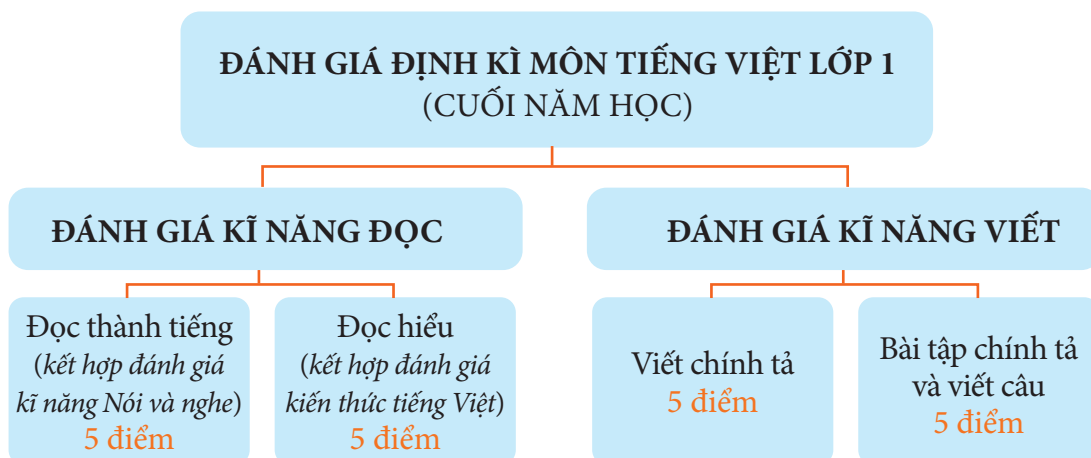
Về kĩ năng đọc, có các nội dung sau:

- Đọc thành tiếng âm, vần
- Đọc tiếng, từ kết hợp hiểu nghĩa từ (có gợi ý bằng hình ảnh)
- Đọc câu kết hợp với hiểu nghĩa câu (có gợi ý bằng hình ảnh)
- Đọc đoạn ngắn và trả lời câu hỏi để nhận biết thông tin

Về kĩ năng viết, có các nội dung sau:

- Viết chữ cái, vần mới học
- Viết từ ngữ chứa tiếng có vần mới
- Điền từ vào chỗ trống để hoàn thành câu
- Viết câu ngắn

4.2.2. Kiểm tra, đánh giá định kì cuối năm học



Về kĩ năng đọc, có đọc thành tiếng và đọc hiểu:

– Đối với đọc thành tiếng, HS cần thực hiện yêu cầu:

+ Đọc một đoạn hoặc bài (có dung lượng theo quy định của CT môn Tiếng Việt lớp 1), văn bản không có trong SGK (do GV lựa chọn và chuẩn bị trước).

+ Trả lời 1 – 2 câu hỏi (ở mức nhận biết) về nội dung đoạn đọc do GV nêu ra.

– Đối với đọc hiểu (làm trên giấy), HS cần thực hiện yêu cầu:

+ Đọc hiểu 1 văn bản (không có trong SGK), độ dài của VB theo quy định của CT môn Tiếng Việt lớp 1 (theo từng kiểu loại văn bản).

+ Trả lời câu hỏi, gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan (có thể thiết kế nhiều dạng khác nhau) và câu hỏi tự luận (câu hỏi mở). Câu hỏi tự luận yêu cầu HS tự hình thành câu trả lời ngắn: nêu ý kiến cá nhân về nhân vật, chi tiết,... trong đoạn/bài đọc, hoặc liên hệ nội dung bài với bản thân hoặc với thực tế cuộc sống,...

Về kĩ năng viết, có viết chính tả, bài tập chính tả và viết câu:

– Đối với viết chính tả: Viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 35 chữ theo các hình thức nhìn – viết (tập chép), nghe – viết.

– Đối với bài tập chính tả: Yêu cầu viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ c, k, g, gh, ng, ngh.

– Đối với viết câu:

+ Điền phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

+ Điền vào phần thông tin còn trống, viết câu nói về hình dáng hoặc hoạt động của nhân vật dưới tranh trong câu chuyện đã học dựa trên gợi ý.

+ Điền phần thông tin còn trống, viết câu trả lời hoặc viết lại câu đã nói để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý.

* Lưu ý: Việc chấm điểm cần chia tỉ lệ điểm phù hợp: điểm cho nội dung, điểm cho kĩ năng, điểm cho chính tả, chữ viết,... Nên có điểm thưởng cho sự sáng tạo về nội dung, kĩ năng,...

5 GIỚI THIỆU, HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ DẠY HỌC

5.1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên

SGV giúp GV triển khai một phương án dạy học sách cho HS (SHS) của *Tiếng Việt 1* để đạt đến mục tiêu giáo dục được quy định trong chương trình. Phương án để ra giúp vừa hiện thực hoá tư tưởng giáo dục chung của bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” vừa thể hiện cách tiếp cận đặc thù của lĩnh vực dạy học ngôn ngữ cho HS lớp đầu cấp tiểu học theo quan điểm hiện đại.

Cuốn sách này có hai phần:

(1) Phần hướng dẫn chung giúp GV nắm được nội dung chương trình Tiếng Việt lớp 1, quan điểm biên soạn SHS của *Tiếng Việt 1*, những điểm mới cơ bản của cuốn sách, cấu trúc sách và cấu trúc các bài học;

(2) Phần hướng dẫn GV dạy học các bài cụ thể. Trên cơ sở phương án dạy học được gợi ý trong cuốn sách này, GV có thể vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và đối tượng HS. Đặc biệt, GV có thể điều chỉnh thời gian cho mỗi hoạt động trong từng bài học một cách hợp lý để không tạo ra áp lực đối với HS, bảo đảm HS được tiến bộ nhanh trong học tập và rèn luyện, nhưng không bị quá tải. Năng lực ngôn ngữ của HS cần được phát triển thông qua các hoạt động trong suốt một năm học và tiếp tục trong nhiều năm học tiếp theo. Vì vậy, hãy để mỗi HS được học theo khả năng của các em miễn là cuối năm học, các em đạt được mục tiêu theo yêu cầu của chương trình.

Tương ứng với mỗi bài học trong SHS có một bài hướng dẫn dạy học trong SGK. Mỗi bài hướng dẫn dạy học đều có cấu trúc gồm các phần: **Mục tiêu**, **Chuẩn bị**, **Hoạt động dạy học**.

Phần **Mục tiêu** có nội dung và cách thể hiện phù hợp với định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS. Mục tiêu của mỗi bài được biên soạn xoay quanh các kĩ năng sử dụng tiếng Việt cơ bản: đọc, viết, nói và nghe. Ngoài ra, mỗi bài học còn nhắm đến giúp HS phát triển vốn từ, khả năng quan sát, khả năng tư duy và bồi dưỡng cho người học những phẩm chất có liên quan đến nội dung của ngữ liệu trong bài. Chẳng hạn, với bài học các vần *an, ă, ân* ở tập một, mục tiêu bài học được viết như sau:

“Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng vần *an, ă, ân*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu/đoạn có vần *an, ă, ân*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng vần *an, ă, ân*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *an, ă, ân*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *an, ă, ân* có trong bài học.
- Phát triển kĩ năng nói lời xin lỗi (trong những tình huống ở trường học).
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh hoạ.”

Với bài *Loài chim của biển cả* ở tập hai, mục tiêu bài học được viết như sau: “Giúp HS:

1. Phát triển kĩ năng đọc thông quan đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin đơn giản và ngắn; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.
2. Phát triển kĩ năng viết thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho một số câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết chính tả một đoạn ngắn.

3. Phát triển kĩ năng nói và nghe thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung: tình yêu đối với động vật và thiên nhiên nói chung; ý thức bảo vệ thiên nhiên; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.”

Từ cách thể hiện mục tiêu như đã nêu trên, có thể thấy, mục tiêu của mỗi bài học, tuy căn cứ vào những nội dung cụ thể của từng bài, nhưng bao giờ cũng hướng đến những yêu cầu chung, từ đó góp phần phát triển năng lực của người học. Chẳng hạn, hoạt động đọc thành tiếng trong bài này, không chỉ nhằm đến đọc được VB *Loài chim của biển cả* mà từng bước phát triển kĩ năng đọc thành tiếng một VB thông tin nói chung. Nói cách khác, đọc được VB này chỉ là một biểu hiện của kĩ năng đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin, một phần cấu thành của kĩ năng đọc VB nói chung.

GV cần bám sát vào các mục tiêu này để triển khai bài học, vì theo cách tiếp cận mới trong xây dựng chương trình cũng như biên soạn SGK, mục tiêu sẽ quyết định tất cả các thành tố còn lại của bài học, từ nội dung dạy học đến phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập của HS.

Phần **Chuẩn bị** bao gồm hai nội dung:

a) Kiến thức (tiếng Việt và đời sống) mà GV cần có để dạy tốt bài học. Phần kiến thức về đời sống có thể có hoặc không tùy thuộc vào nội dung của từng bài học.

b) Phương tiện dạy học cần có và nên có. Phương tiện dạy học cần có chủ yếu là tranh ảnh minh họa có trong SHS được phóng to. Ngoài ra, GV nên có các thiết bị hiện đại như máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh để thay cho tranh ảnh in trên giấy. Ngoài những phương tiện dạy học được nêu trong SGK, GV có thể sử dụng các phương tiện phù hợp khác.

Phần **Hoạt động dạy học** bám sát các mục của bài học trong SHS. Ngoài ra, ở đầu bài học có thể có ôn bài cũ và một số hoạt động tạo tâm thế cho bài học mới; ở cuối bài học có mục **củng cố**, giúp GV và HS tóm tắt lại những nội dung đã học và GV nhận xét, đánh giá hoạt động học tập của HS. Tùy tình hình thực tế, GV vận dụng linh hoạt thời gian cho mỗi hoạt động.

5.2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ

Ngoài SHS và SGK, bộ sách *Tiếng Việt 1* còn có *Tập viết 1* (tập một và tập hai) được dùng kèm theo SHS. HS hoàn thành các hoạt động luyện viết trong *Tập viết* này. Bên cạnh đó còn có *Vở bài tập 1* (tập một và tập hai), giúp HS có cơ hội luyện tập để phát triển thêm kĩ năng nhận biết, viết chữ, vần và tăng cường vốn từ ngữ (tập một); phát triển kĩ năng viết chính tả, dùng từ ngữ và đặt câu (tập hai). Ngoài ra, còn có các tài liệu bổ trợ khác phục vụ nhu cầu dạy và học của GV và HS.

Đi kèm *Tiếng Việt 1* cũng có các tranh ảnh được phóng to từ tranh ảnh trong SHS, hỗ trợ cho GV trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học. NXB Giáo dục Việt Nam cũng thiết kế, sản xuất, phát hành các học liệu điện tử để mở rộng và làm đa dạng các nội dung dạy học đã có trong SHS, nhằm đáp ứng nhu cầu dạy học trong kỉ nguyên số.

Các hoạt động hoàn thành trong *Tập viết* chủ yếu có tính chất bắt buộc. Nội dung viết được thể hiện trong SHS và thực hiện trong thời gian do chương trình quốc gia quy định (12 tiết/tuần). Riêng nội dung tập viết được chú thích bằng logo “viết vào buổi chiều” trong *Tập viết 1*, tập một thì HS không nhất thiết phải hoàn thành hết. Còn các bài tập trong *Vở bài tập* thì không hoàn toàn bắt buộc. Việc HS luyện tập thêm các nội dung trong *Vở bài tập* này nhiều hay ít và theo cách thức như thế nào, GV căn cứ vào điều kiện thời gian và khả năng của HS để thực hiện.

Các tranh ảnh được phóng to được sử dụng (gắn lên bảng) vào những thời điểm triển khai các hoạt động dạy học có tranh ảnh minh hoạ tương ứng trong SHS. Thay cho tranh ảnh in, GV có thể dùng thiết bị số để trình chiếu tranh ảnh lên màn hình. Việc sử dụng các học liệu điện tử sẽ có hướng dẫn và minh hoạ riêng.

Các sách/vở bổ trợ cho HS nói chung đều được biên soạn theo hướng bám sát hệ thống các chủ điểm và nội dung bài học ở SGK, nhằm tăng vốn hiểu biết và phát triển kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cho HS, chủ yếu là kĩ năng đọc và viết, đáp ứng mục tiêu bộ sách đã đặt ra và phù hợp với tất cả các vùng miền. Mặt khác, nhằm đáp ứng năng lực học tập khác nhau của HS, các sách/vở bổ trợ nói trên cũng đã cố gắng thiết kế các loại, dạng bài tập đáp ứng được nhu cầu phân hoá của HS.

Đối với GV, ngoài SGK, quý thầy cô có thể tham khảo thêm các tư liệu: các video tiết học minh hoạ cho từng hoạt động trong SGK, kế hoạch bài dạy cũng như các tư liệu bổ trợ khác được đăng tải trên các nền tảng số của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN).

5.3. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng, khai thác nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị giáo dục

5.3.1. Giới thiệu về Tập huấn

Tập huấn là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền: taphuan.nxbgd.vn. *Tập huấn* cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy Chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học. Việc cấp tài khoản trên *Tập huấn* được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: sở giáo dục và đào tạo cấp tài khoản cho các nhà trường, nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lí có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả triển khai tập huấn tại địa phương.

Đối với tài khoản GV: Tính năng “Tập huấn” cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do NXBGDVN biên soạn dưới đa dạng các định dạng: PowerPoint, PDF/Word, video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: tài liệu tập huấn, bài giảng tập huấn, tiết học minh hoạ, video tập huấn trực tuyến, video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ quý thầy cô truy cập bất kì thời điểm nào trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải bài kiểm tra, đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.

Đối với tài khoản cấp QLGD (sở giáo dục và đào tạo, nhà trường): Tính năng “Tài liệu bổ sung” cho phép các cơ quan quản lý giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng Thống kê cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lý giáo dục.

5.3.2. Sử dụng thiết bị dạy học

Sử dụng đủ và hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với môn Tiếng Việt; có thể sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm phù hợp với nội dung dạy học và các đối tượng HS; sử dụng một cách rộng rãi và hiệu quả các thiết bị dạy học,...; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện, thiết bị hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả.

1 QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY**1.1. Các văn bản hướng dẫn và tài liệu dạy học**

- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (ban hành ngày 18/12/2020).
- Phụ lục IV kèm theo Công văn 5512 về Khung kế hoạch bài dạy.
- SGK Tiếng Việt lớp 1.
- SGV Tiếng Việt lớp 1.

1.2. Các bước thiết kế kế hoạch bài dạy

- Xác định bài dạy, mục tiêu bài dạy, các thiết bị và học liệu cần chuẩn bị.
- Xác định các hoạt động chính của bài dạy (gồm Đọc, Viết, Nói và nghe).
- Xác định mục tiêu, nội dung, sản phẩm và cách tổ chức thực hiện từng hoạt động dạy học cụ thể (được quy thành 4 nhóm: khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng).

2 BÀI SOẠN MINH HOẠ**Tập một****Bài 39****oi ôi ơ****I MỤC TIÊU**

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *oi, ôi, ơi*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *oi, ôi, ơi*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các vần *oi, ôi, ơi*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần *oi, ôi, ơi*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần *oi, ôi, ơi* có trong bài học.
- Phát triển kỹ năng nói và so sánh các sự vật.
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về người và vật (đồ vật và loài vật).
- Cảm nhận được tình cảm mẹ con được thể hiện trong đoạn đối thoại đọc hiểu, từ đó gắn bó hơn với gia đình.

II CHUẨN BỊ

Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, quy trình và cách viết các vần *oi, ôi, ơi*; hiểu rõ nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

Ôn lại những vần vừa học trong bài trước (*ai, ay, ây*) và tạo tâm thế cho giờ học.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Voi con/ mời bạn/ đi xem hội.*
- GV giới thiệu các vần mới *oi, ôi, ơi*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc

a. Đọc vần

- So sánh các vần
 - + GV giới thiệu vần *oi, ôi, ơi*.
 - + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *oi, ôi, ơi* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần
 - + GV đánh vần mẫu các vần *oi, ôi, ơi*.
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.
 - + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
 - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *oi*.
 - + HS tháo chữ *o*, ghép *ô* vào để tạo thành *ôi*.
 - + HS tháo chữ *ô*, ghép *ơ* vào để tạo thành *ơi*.
- Lớp đọc đồng thanh *oi, ôi, ơi* một số lần.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng *voi* (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *voi*.

- + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *voi* (*vờ – oi – voi*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *voi*.
- + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *voi*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *voi*.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
 - + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.
 - + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *oi, ôi, ơi*. GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *chim bói cá, thổi còi, đồ chơi*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *chim bói cá*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *chim bói cá* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *oi* trong *chim bói cá*, phân tích và đánh vần tiếng *bói*, đọc trơn từ ngữ *chim bói cá*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *thổi còi, đồ chơi*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *oi, ôi, ơi*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần *oi, ôi, ơi*.
- HS viết vào bảng con: *oi, ôi, ơi* và *còi, thổi, chơi* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần *ôi* và *ơi* vì trong các vần này đã có *oi*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *oi, ôi, ơi*; các từ ngữ *thổi còi, đồ chơi*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *oi, ôi, ơi*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *oi, ôi, ơi* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:
 - + *Mạ lớn lên gọi là gì?*
 - + *Bê lớn lên gọi là gì?*
 - + *Theo em, mẹ có yêu Hà không? Vì sao em nghĩ như vậy?* (Gợi ý: Dù Hà còn bé hay lớn lên thì mẹ vẫn coi Hà là cô con gái nhỏ của mẹ. Tình cảm của mẹ dành cho Hà không bao giờ thay đổi.)

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu: *Các em thấy những gì trong tranh?* (chiếc xe máy của mẹ và chiếc xe đạp của Hà); *Giữa hai chiếc xe này, các em thấy có gì giống nhau và khác nhau?* (Giống nhau: đều là xe có 2 bánh; bánh xe của cả hai loại xe đều có lốp được làm bằng cao su; đều có yên xe;... khác nhau: xe của mẹ là xe máy, xe của Hà là xe đạp; xe máy đi nhanh hơn xe đạp; xe máy to hơn, dài hơn, nặng hơn xe đạp;...).
- Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể trao đổi thêm về các phương tiện giao thông khác.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa vần *oi, ôi, ơi* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các vần *oi, ôi, ơi* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

Bài 40 ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN.....

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nắm vững cách đọc các vần *om, ôm, ơm, em, êm, im, um, ai, ay, ây, oi, ôi, ơi*; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *om, ôm, ơm, em, êm, im, um, ai, ay, ây, oi, ôi, ơi*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kĩ năng viết thông qua viết câu có những từ ngữ chứa một số vần đã học.
- Phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua truyện kể *Hai người bạn và con gấu*. Qua câu chuyện, HS bước đầu được rèn luyện kĩ năng đánh giá tình huống, xử lí vấn đề trong các tình huống và kĩ năng hợp tác.

II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm của các vần *om, ôm, ơm, em, êm, im, um, ai, ay, ây, oi, ôi, ơi*; cấu tạo và quy trình viết các chữ ghi những âm này.
- Hiểu rõ nghĩa của các từ ngữ trong bài học (*lom khom, êm đềm, chói lọi, chúm chím,...*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này *lom khom*: tư thế còng lưng xuống; *êm đềm*: yên tĩnh, tạo cảm giác dễ chịu; *chói lọi*: sáng và đẹp rực rỡ; *chúm chím*: môi hơi mấp má và chúm lại, không hé mở, ví dụ: *môi chúm chím*.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Khởi động

GV có thể tạo tâm thế cho giờ học bằng hình thức tổ chức các trò chơi phù hợp.

2. Đọc tiếng, từ ngữ

- Đọc tiếng: HS đọc trơn thành tiếng (cá nhân, nhóm), đọc đồng thanh (cả lớp). Ngoài những tiếng có trong SHS, nếu có thời gian ôn luyện, GV có thể cho HS đọc thêm các tiếng chứa vần được học trong tuần: *khóm, góm, thơm, hèm, đэм, ghim, chum, bãi, dạy, đẩy, nói, gọi, lời*.
- Đọc từ ngữ: HS đọc thành tiếng (cá nhân, nhóm), đọc đồng thanh (cả lớp).

3. Đọc đoạn

- HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.
- GV hỏi HS về các tiếng chứa vần đã học có trong mỗi câu: *Câu 1 có những tiếng nào chứa vần vừa học?* GV thực hiện tương tự với các câu còn lại.
- GV giải thích nghĩa từ ngữ (nếu cần).
- GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.
- GV hỏi HS một số câu hỏi về nội dung đã đọc: *Nhóm con ra bãi cỏ để làm gì (tìm cái ăn)? Nhóm thấy gì ngoài bãi cỏ (vô số quả chín và thơm ngon)? Em chọn từ nào để khen ngợi nhóm: “thông minh” hay “tốt bụng”? Tại sao em chọn từ đó (vì nhóm biết nghĩ đến bạn, biết chia sẻ với bạn).*
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

4. Viết câu

- GV hướng dẫn HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* câu “Voi con có vòi dài.”, chữ cỡ vừa trên một dòng kẻ. Số lần lặp lại tùy thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS.
- GV quan sát và sửa lỗi cho HS.

TIẾT 2

5. Kể chuyện

a. Văn bản

HAI NGƯỜI BẠN VÀ CON GẤU

Một ngày nọ, có hai người bạn, một béo một gầy, cùng nhau vào rừng. Đột nhiên có một con gấu xuất hiện. Chàng gầy liền nhanh chân trèo lên cây và nấp sau các cành cây. Còn chàng béo do không chạy được nhanh nên đã nằm xuống đất và giả chết.

Khi con gấu tới, nó ngửi khắp người chàng béo và nhanh chóng rời đi vì tưởng rằng anh đã chết. Anh chàng gầy từ trên cây leo xuống và đến hỏi thăm chàng béo: “Cậu không sao chứ? Con gấu đã thì thầm điều gì với cậu thế?”

Chàng béo nhìn chàng gầy với vẻ thất vọng và trả lời: “Gấu nói với tớ là không nên chơi với người bạn bỏ mình khi gặp nguy hiểm.”

(Theo Ngụ ngôn Ê-dốp)

b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời

Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.

Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.

Đoạn 1: Từ đầu đến *một con gấu xuất hiện*. GV hỏi HS:

1. Hai người bạn đi đâu?
2. Trên đường đi, chuyện gì xảy ra với họ?

Đoạn 2: Tiếp theo đến *giả chết*. GV hỏi HS:

3. Anh gầy làm gì khi nhìn thấy con gấu?
4. Anh béo làm gì để đánh lừa con gấu?

Đoạn 3: Tiếp theo đến *tưởng rằng anh đã chết*. GV hỏi HS:

5. Con gấu làm gì chàng béo?
6. Vì sao con gấu bỏ đi?

Đoạn 4: Tiếp theo đến hết. GV hỏi HS:

7. Anh gầy hỏi anh béo điều gì?
8. Anh béo trả lời anh gầy thế nào?
9. Theo em, anh gầy có phải là người bạn tốt không? Tại sao?

GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể.

c. HS kể chuyện

HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ câu chuyện.

GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kể chuyện. Tùy vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.

6. Củng cố

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. HS kể cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện *Hai người bạn và con gấu*.
- Khuyến khích HS sưu tầm tranh ảnh liên quan đến các loài vật: voi, gấu, nhím, chồn hôi.

Tập hai

Bài 1 TÔI ĐI HỌC

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- 1. Phát triển kỹ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB tự sự ngắn và đơn giản, kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ nhất; đọc đúng vần *yêm* và tiếng, từ ngữ có vần này; hiểu và trả lời các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.
- 2. Phát triển kỹ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.
- 3. Phát triển kỹ năng nói và nghe** thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.
- 4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** tình cảm đối với trường lớp, quê hương,...; khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân; khả năng làm việc nhóm.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm VB tự sự, kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ nhất; nắm được nội dung VB *Tôi đi học*.

- GV nắm được đặc điểm phát âm, cấu tạo vần *yêm*; nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*buổi mai, âu yếm, nao nức*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

2. Kiến thức đời sống

- Hiểu tâm lí chung của HS lớp 1 trong ngày đầu đến trường.
- Nắm được những hoạt động diễn ra ở trường lớp và xác định những hoạt động nào thường khiến HS thấy vui, thấy thân thiết với thầy cô, bạn bè.

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Khởi động

- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi (a. *Hình ảnh bạn nào giống với em trong ngày đầu đi học?* b. *Ngày đầu đi học của em có gì đáng nhớ?*).
- Một số (2 – 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.
- GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc *Tôi đi học*. (Gợi ý: Chỉ rõ một bạn trong tranh và nêu điểm giống (VD: khóc nhè, đến trường cùng các bạn khác, bố mẹ chở đi, vui vẻ chào bố mẹ). Kể lại một kỉ niệm trong ngày đầu đi học.)

2. Đọc

- GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý đọc đúng lời người kể (nhân vật “tôi”), ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ.
- GV hướng dẫn HS luyện phát âm từ ngữ có vần mới
 - + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có vần mới trong bài đọc (*âu yếm*).
 - + GV đưa từ *âu yếm* lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu vần *yêm* và từ *âu yếm*, HS đọc theo đồng thanh.
 - + Một số (2 – 3) HS đánh vần, đọc trơn, sau đó, cả lớp đọc đồng thanh một số lần.
- HS đọc câu
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số tiếng khó: *ngoài, bàng, nhiên, quanh,...*

- + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Hàng năm/ cứ vào cuối thu,/ lá ngoài đường rụng nhiều/ và trên không/ có những đám mây bàng bạc,/ lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man/ của buổi tựu trường. Con đường này/ tôi đã quen đi lại lắm lần,/ nhưng lần này/ tôi tự nhiên thấy lạ.*)
- HS đọc đoạn
 - + GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *buổi tựu trường*, đoạn 2: phần còn lại).
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.
 - + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB (*nao nức* (nghĩa trong bài): rộn lên niềm vui; *mơn man*: lướt qua nhẹ nhàng, gây cảm giác dễ chịu; *buổi mai*: buổi sáng sớm; *âu yếm*: biểu lộ tình yêu thương bằng dáng điệu, cử chỉ, giọng nói).
- + HS đọc đoạn theo nhóm.
- HS và GV đọc toàn VB
 - + 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.
 - + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

TIẾT 2

3. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi (a. *Cứ vào cuối thu, bạn nhỏ trong bài đọc nhớ kỉ niệm gì?*; b. *Hôm đó, ai dẫn bạn nhỏ đến trường?*; c. *Ngày đầu đi học, bạn nhỏ thấy cảnh vật xung quanh ra sao?*).
- HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh họa và câu trả lời cho từng câu hỏi.
- GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.
- GV và HS thống nhất câu trả lời (a. *Cứ vào cuối thu, bạn nhỏ trong bài đọc lại nhớ kỉ niệm của buổi tựu trường* (Trong thực tế, khi viết bài *Tôi đi học*, tác giả, người xưng hô “tôi” đã trưởng thành. Tuy nhiên, để HS lớp 1 dễ hiểu và tạo sự nhất quán, gắn kết giữa các câu hỏi đọc hiểu, chúng tôi gọi nhân vật “tôi” cũng là “bạn nhỏ”. Tuy khả năng của HS trong lớp, GV có thể linh hoạt thay đổi câu hỏi a thành *Cứ vào cuối thu, nhân vật “tôi” trong bài đọc nhớ kỉ niệm gì?*; b. *Hôm đó, mẹ dẫn bạn nhỏ đến trường*; c. *Ngày đầu đi học, bạn nhỏ thấy cảnh vật xung quanh đều thay đổi*).

Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).

4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3

- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi c (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở. (c. Ngày đầu đi học, bạn nhỏ thấy cảnh vật xung quanh đều thay đổi.)
- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 3

5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.
- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn chỉnh. (Cô giáo âu yếm nhìn các bạn chơi ở sân trường.)
- GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

- GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.
- Yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.
- GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.
- HS và GV nhận xét.

TIẾT 4

7. Nghe viết

- GV đọc to cả hai câu (Mẹ dẫn tôi đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường tôi đã đi lại nhiều mà sao thấy lạ.)
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.
 - + Viết lùi đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.
 - + Chữ dễ viết sai chính tả: *dẫn, đường...*
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- Đọc và viết chính tả:
 - + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ (Mẹ dẫn tôi đi/ trên con đường làng/ dài và hẹp./ Con đường/ tôi đã đi lại nhiều/ mà sao thấy lạ.). Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.
 - + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.
 - + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.
 - + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Tôi đi học* từ ngữ có tiếng chứa vần *ương, ươn, ai, ay*

- GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.
- HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần *ương, ươn, ai, ay*.
- HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.
- Một số (2 – 3) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

9. Hát một bài hát về ngày đầu đi học

- HS nghe bài hát qua băng đĩa, youtube hoặc qua sự thể hiện của một HS trong lớp.
- GV đưa ra một vài câu hỏi giúp HS hiểu lời bài hát.
- HS nói một câu về ngày đầu đi học.

10. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

Bài 2 ĐI HỌC

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- 1. Phát triển kỹ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một bài thơ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ; nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau, củng cố kiến thức về vần; thuộc lòng bài thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.
- 2. Phát triển kỹ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.
- 3. Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** tình cảm đối với trường lớp và thầy cô giáo; khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân; khả năng làm việc nhóm.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm vững đặc điểm vần, nhịp và nội dung bài thơ *Đi học* của tác giả Hoàng Minh Chính; biết hát bài hát *Đi học* do Bùi Đình Thảo phổ nhạc.

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*nương, thăm thì*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

2. Kiến thức đời sống

Sự khác biệt về khung cảnh của ngôi trường tiểu học ở vùng cao (như được miêu tả trong bài thơ *Đi học*) và ở các vùng khác, ví dụ ở thành phố, ở nông thôn miền Bắc, nông thôn miền Nam...

3. Phương tiện dạy học

- Tranh minh họa có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.
- Clip nhạc bài hát *Đi học* của Bùi Đình Thảo.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

- Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.
- Khởi động:
 - + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi (*Các bạn trông như thế nào khi đi học? Nói về cảm xúc của em sau mỗi ngày đi học.*).
 - + Một số (2 – 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đủ hoặc có câu trả lời khác.
 - + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài thơ *Đi học*.

2. Đọc

- GV đọc mẫu cả bài thơ. Chú ý đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.
- HS đọc từng dòng thơ
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1. GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS (*nương, lặng, râm,...*).
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2. GV hướng dẫn HS cách đọc, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, nhịp thơ.
- HS đọc từng khổ thơ
 - + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ.
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng khổ, 2 lượt.
 - + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ (*nương*: đất trồng trọt ở vùng đồi núi; *thăm thì*: ở đây tiếng suối chảy nhẹ nhàng, khe khẽ như tiếng người nói thầm với nhau).
 - + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm.
 - + Một số HS đọc khổ thơ, mỗi HS đọc một khổ thơ. Các bạn nhận xét, đánh giá.

- HS đọc cả bài thơ
- + 1 - 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ.
- + Lớp đọc đồng thanh cả bài thơ.

3. Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng có vần giống nhau ở cuối các dòng thơ.
- HS viết những tiếng tìm được vào vở.
- GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả. GV và HS nhận xét, đánh giá.
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

TIẾT 2

4. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi (a. Vì sao hôm nay bạn nhỏ đi học một mình? b. Trường của bạn nhỏ có đặc điểm gì? c. Cảnh trên đường đến trường có gì?).
- HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi.
- GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời. Các bạn nhận xét, đánh giá.
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

5. Học thuộc lòng

- GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu hai khổ thơ đầu.
- Một HS đọc thành tiếng hai khổ thơ đầu.
- GV hướng dẫn HS học thuộc lòng hai khổ thơ đầu bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong bài thơ cho đến khi xoá/ che hết. HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng hai khổ thơ.

6. Hát một bài hát về thầy cô

- GV Sử dụng clip bài hát để cả lớp cùng hát theo.
- HS tập hát.
 - + HS hát theo từng đoạn của bài hát.
 - + HS hát cả bài.

7. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

PHỤ LỤC

DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY HỌC ĐẶC THÙ THEO SÁCH GIÁO KHOA *TIẾNG VIỆT 1* – CTGDPT 2018

STT	Tên thiết bị	Chủ đề dạy học	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
						HS			
1	Bộ tranh minh họa phần “Nhận biết” (mục 1-SHS)	Phần Âm chữ và Vần (học kì 1)	Giúp GV tổ chức cho HS cả lớp quan sát, nhận biết và thực hành	Tranh giấy cứng, khổ to (các tranh minh họa có kích thước tranh (148 x 210) mm, in offset 4 màu trên giấy couche, có định lượng 200g/mm, cán láng, OPP mờ).	x		Bộ	64 cái/bộ/lớp	Tranh treo trên bảng hoặc GV cầm tay để HS quan sát hình ảnh dễ hơn
2	Bộ tranh minh họa phần “Nói theo tranh” (mục 5-SHS)	Phần “Nói theo tranh” (học kì 1)	Giúp GV tổ chức cho HS cả lớp quan sát và thực hành	Tranh giấy cứng khổ to (các tranh minh họa có kích thước tranh (148 x 210) mm, in offset 4 màu trên giấy couche, có định lượng 200g/mm, cán láng, OPP mờ).	x		Bộ	85 cái/bộ/lớp	Tranh treo trên bảng hoặc GV cầm tay để HS quan sát hình ảnh dễ hơn

3	Bộ tranh minh họa phần “Kể chuyện” (mục 3 bài Ôn tập cuối tuần-SHSV)	Phần “Kể chuyện” (học kì 1)	Giúp GV tổ chức cho HS cả lớp quan sát và thực hành	Tranh giấy cứng, khổ to (các tranh minh họa có kích thước tranh (148 x 210) mm, in offset 4 màu trên giấy couche, có định lượng 200g/mm, cán láng, OPP mờ).	x		Bộ	63 cái/bộ/lớp	Tranh treo trên bảng hoặc GV cầm tay để HS quan sát hình ảnh dễ hơn
---	--	-----------------------------	---	---	---	--	----	---------------	---

STT	Tên thiết bị	Chủ đề dạy học	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
4	Bộ tranh minh họa phần “Khởi động” văn bản - Quan sát tranh (mục 1-SHS)	Phần Luyện tập đọc, viết, nói và nghe theo trực văn bản (học kì 2)	Giúp GV tổ chức cho HS cả lớp quan sát và nhận biết	Tranh giấy cứng, khổ to (các tranh minh họa có kích thước tranh (148 x 210) mm, in offset 4 màu trên giấy couche, có định lượng 200g/mm, cán láng, OPP mờ).	x		Bộ	46 cái/bộ/lớp	Tranh treo trên bảng hoặc GV cầm tay để HS quan sát hình ảnh dễ hơn
5	Bộ tranh minh họa phần “Quan sát tranh, dùng từ ngữ để nói theo tranh”	Phần Luyện tập đọc, viết, nói và nghe theo trực văn bản (học kì 2)	Giúp GV tổ chức cho HS cả lớp quan sát và thực hành	Tranh giấy cứng, khổ to (các tranh minh họa có kích thước tranh (148 x 210) mm, in offset 4 màu trên giấy couche, có định lượng 200g/mm, cán láng, OPP mờ).	x		Bộ	66 cái/bộ/lớp	Tranh treo trên bảng hoặc GV cầm tay để HS quan sát hình ảnh dễ hơn

6	Bộ tranh minh họa phần “Kể chuyện” (ở một số bài)	Phần “Kể chuyện” (học kì 2)	Giúp GV tổ chức cho HS cả lớp quan sát và thực hành	Tranh giấy cứng, khổ to (các tranh minh họa có kích thước tranh (148 x 210) mm, in offset 4 màu trên giấy couche, có định lượng 200g/mm, cán láng, OPP mờ).	X	Bộ	20 cái/bộ/lớp	Tranh treo trên bảng hoặc GV cầm tay để HS quan sát hình ảnh dễ hơn
---	---	-----------------------------	---	---	---	----	---------------	---

STT	Tên thiết bị	Chủ đề dạy học	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
						HS			
7		Phần mềm dạy học tiếng Việt		Phần mềm máy tính, dùng kết hợp với các thiết bị đi kèm	X		Bộ phần mềm và các thiết bị đi kèm	1 bộ/lớp	Tranh treo trên bảng hoặc GV cầm tay để HS quan sát hình ảnh dễ hơn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: LÊ THUYẾT PHƯƠNG

Thiết kế sách: NGÔ QUANG THẾ

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in: LÊ THUYẾT PHƯƠNG

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**

MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20.....

Mã số ISBN: 978-604-0-.....